

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH



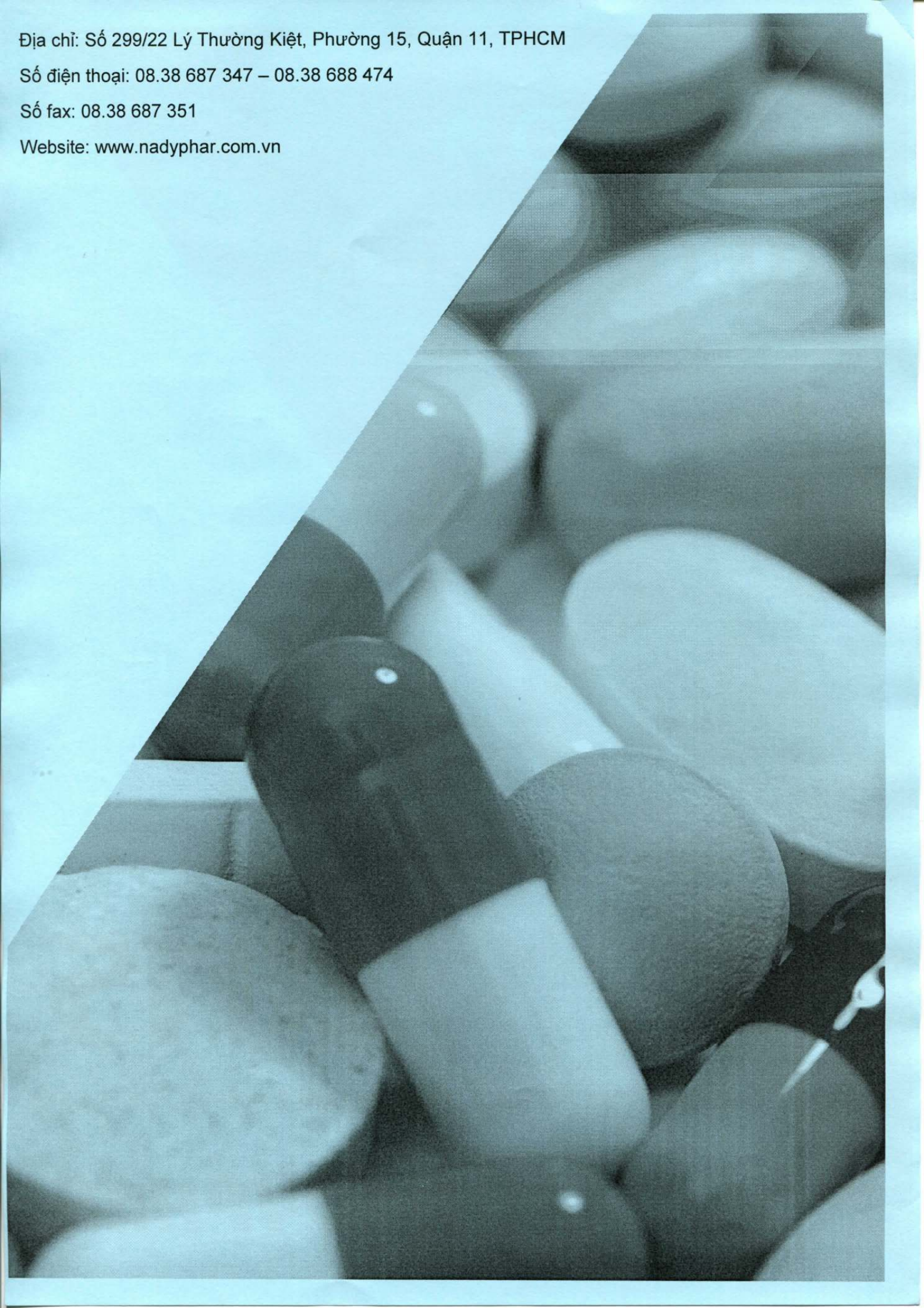
## NADYPHAR

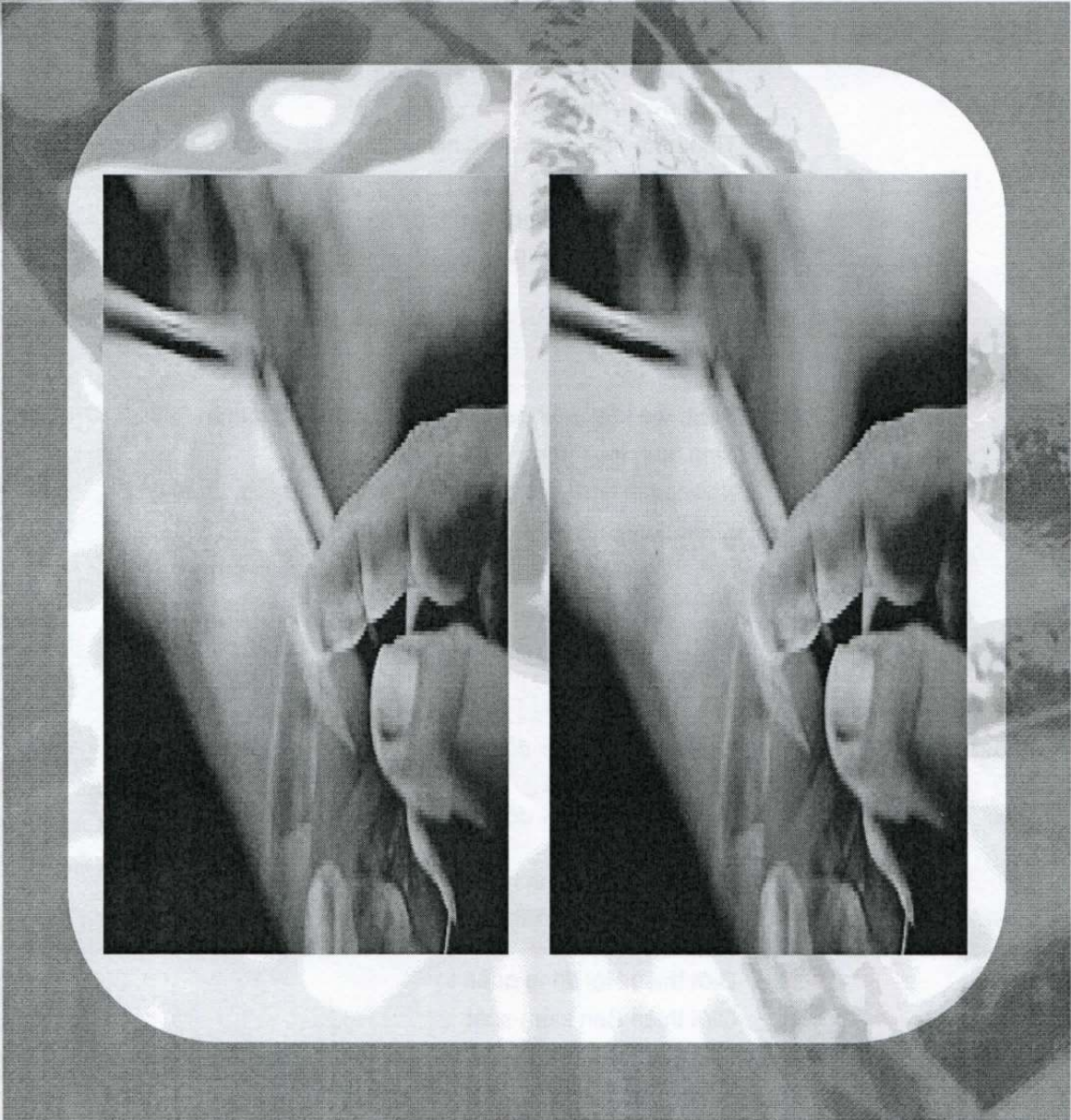
Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM

Số điện thoại: 08.38 687 347 – 08.38 688 474

Số fax: 08.38 687 351

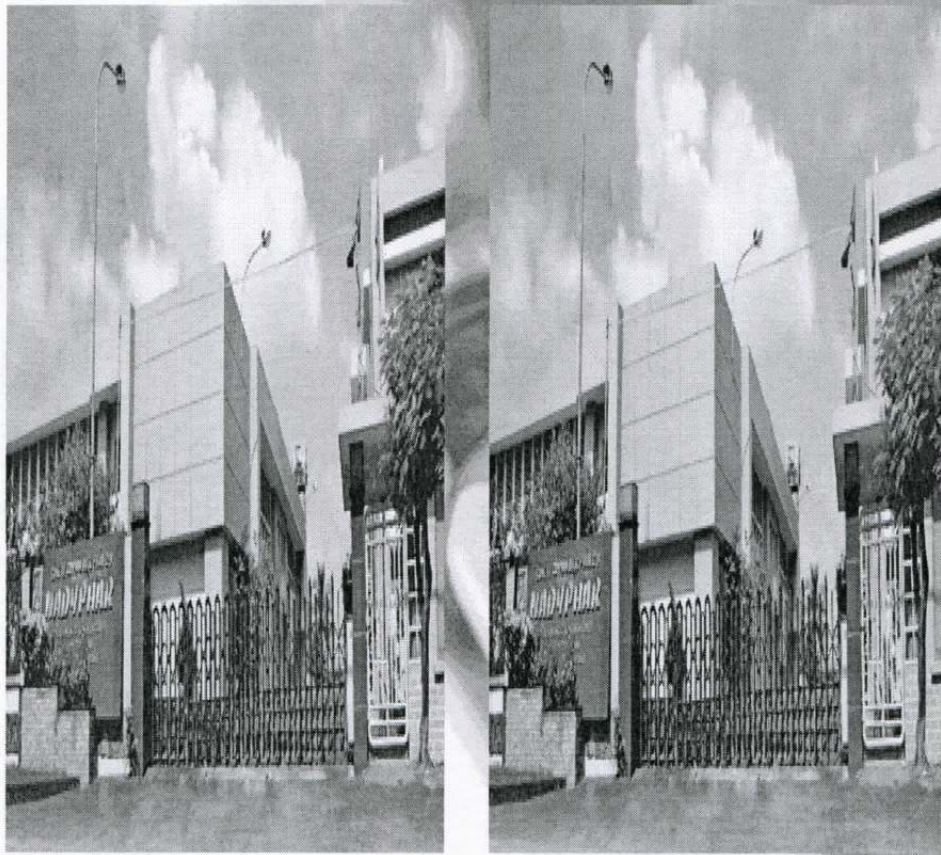
Website: [www.nadyphar.com.vn](http://www.nadyphar.com.vn)





# MỤC LỤC

<b>GIỚI THIỆU CÔNG TY THÔNG TIN CHUNG</b>		<b>02</b>
	Quá trình hình thành và phát triển	03
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	05
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	09
	Định hướng phát triển	13
	Các yếu tố rủi ro	15
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>		<b>18</b>
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	19
	Tổ chức và nhân sự	21
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	27
	Tình hình tài chính	28
	Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	30
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	31
<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>		<b>34</b>
	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35
	Tình hình tài chính	36
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	40
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	40
	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	42
<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>		<b>46</b>
	Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	47
	Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty	48
	Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị	49
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>		<b>52</b>
	Giới thiệu Hội đồng quản trị	53
	Giới thiệu Ban kiểm soát	59
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	62
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>		<b>66</b>
	Ý kiến kiểm toán	67
	Báo cáo tài chính được kiểm toán	69



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

MÃ CỐ PHIẾU: NDP

Tên Công ty: Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh

Tên tiếng anh: National Day Pharmaceutical Join Stock Company of Ho Chi Minh City

Tên viết tắt: NADYPHAR

Vốn điều lệ: 55.500.000.000 đồng

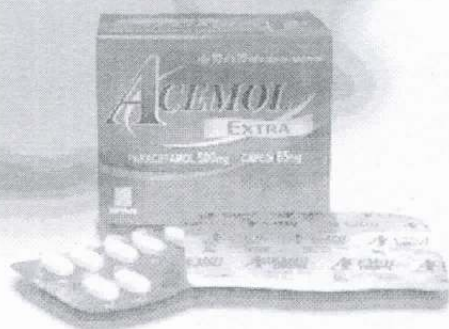
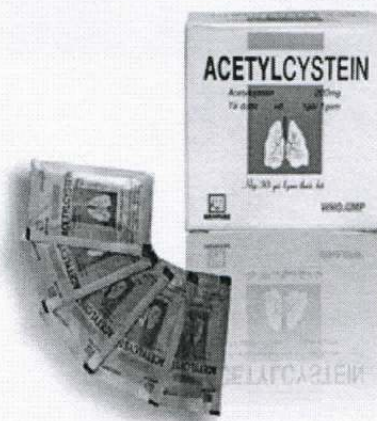
Vốn góp chủ sở hữu: 129.761.644.583 đồng

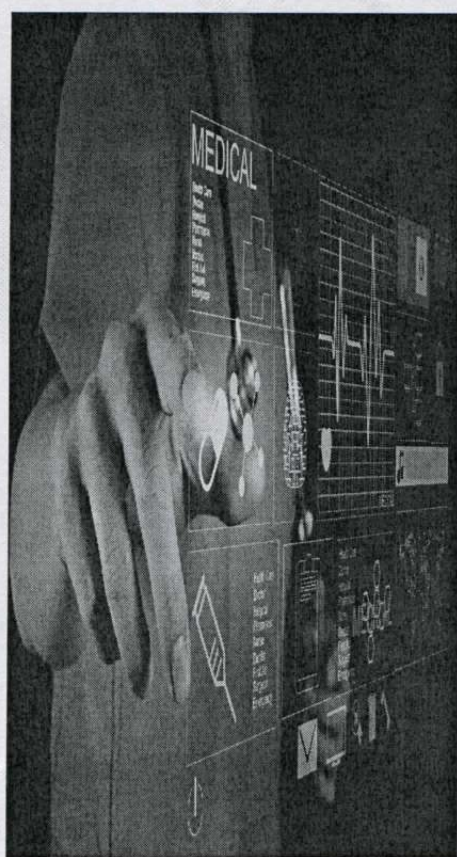
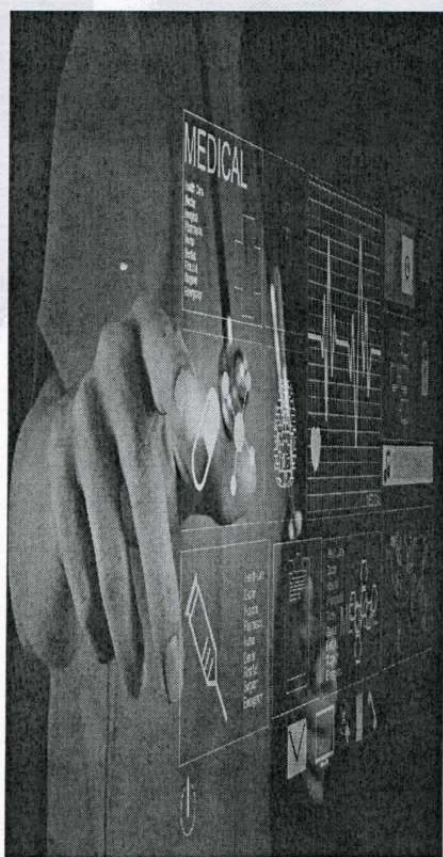
Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 08.38 687 347 – 08.38 688 474

Số fax: 08.38 687 351

Website: [nadyphar.com.vn](http://nadyphar.com.vn)







## THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro





QUÁ TRÌNH

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.HCM (Nadyphar) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trên cơ sở sáp nhập bảy viện Bảo chế tư nhân cũ trước 30/04/1975 tại Sài Gòn.

1977

Ngày 02/08/1977, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra quyết định số 437/QĐUB thành lập công nhận Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trực thuộc Sở Y tế TP.HCM là Doanh nghiệp nhà nước và là đơn vị kinh tế cơ sở có tư cách pháp nhân và hạch toán kinh tế độc lập.



2015

Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch củ

Minh trên sàn UPCOM



 **18** tỷ đồng

**2001**

Ngày 15/06/2001, Theo quyết định số 736/QĐ-TTg Công ty đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần

Ngày 10/09/2001, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594. Từ tháng 10/2001 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi "Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh", vốn điều lệ ban đầu là 18 tỷ đồng trong đó phần vốn nhà nước tại Công ty chiếm 29%, còn lại là phần vốn góp của Cán bộ Công nhân viên trong Công ty và các cổ đông ngoài Công ty.



 **55,5** tỷ đồng

**2006**

Ngày 17/01/2006, Được cấp lại giấy chứng nhận ĐKKD lần 2 (4103000594) có bổ sung hạng mục kinh doanh: đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Nhà máy sản xuất được phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP.

**2007 - 2015**

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận ĐKKD 13 lần với nội dung tăng vốn điều lệ lên 55,5 tỷ đồng và bổ sung thêm chức năng SXKD thực phẩm chức năng và các ngành nghề khác.

**Các giải thưởng của Công ty**





NGÀNH NGHỀ

VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh Dược phẩm. Các ngành nghề theo giấy Đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm
- Gia công, sản xuất bao bì dược phẩm
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê văn phòng, cho thuê kho.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Logistic)
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị y tế)
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán buôn bạc và kim loại quý trừ mua bán vàng miếng)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Bạc, đá quý, đồ trang sức, mỹ nghệ)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Hàng thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm, phụ liệu may mặc và may mặc, tơ, xơ, sợi dệt)

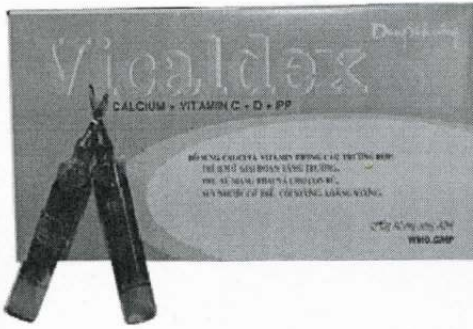
### Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Tây, các tỉnh miền Trung, các tỉnh miền Bắc, các tỉnh Đông Nam bộ, Campuchia và Myanmar...

### Các sản phẩm chính của Công ty

Giảm đau – Hạ sốt – Kháng viêm



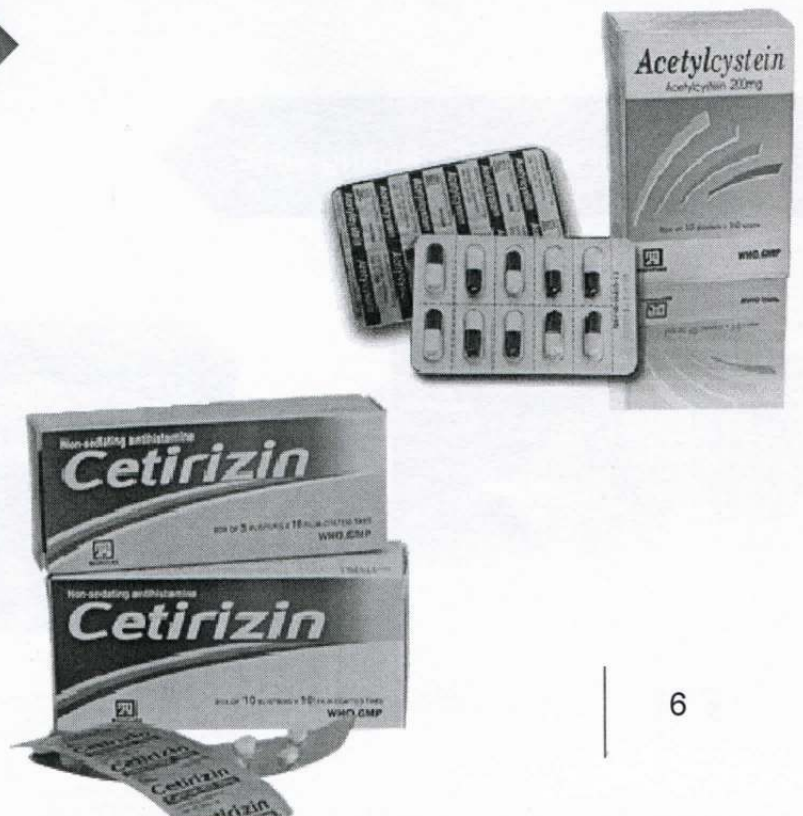


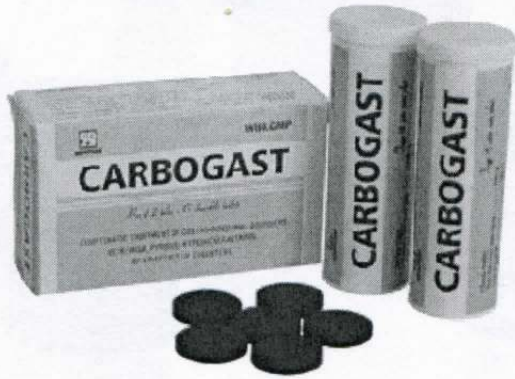
Thuốc bổ – Vitamin – Khoáng chất



Thần kinh

Hô hấp – Kháng dị ứng

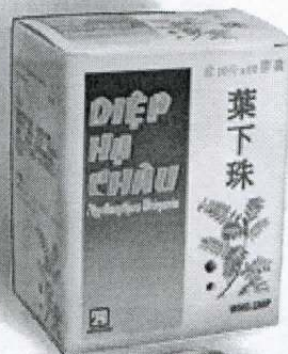
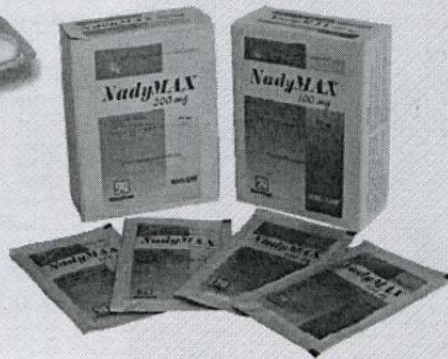




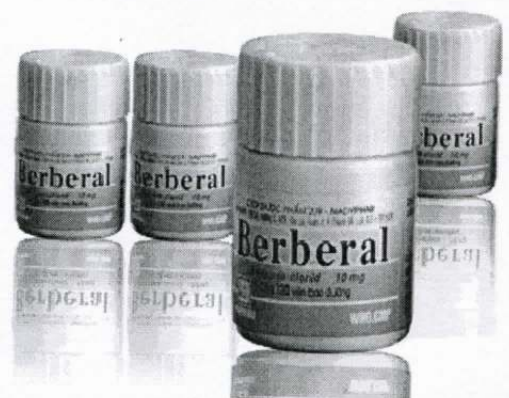
Tiêu hóa – Đường ruột



Kháng sinh



Nguồn gốc thảo dược





Dùng ngoài



Thực phẩm chức năng



Nước lau sàn





## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### Mô hình quản trị



### Cơ cấu bộ máy quản lý

#### Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

#### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại HĐQT có 07 thành viên, nhiệm kỳ HĐQT là 05 năm.

#### Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại BKS có 03 thành viên. Nhiệm kỳ BKS là 05 năm.

#### Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc có 04 thành viên. Nhiệm kỳ Ban Tổng Giám đốc là 05 năm.



### **Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người lãnh đạo quản lý và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, theo đúng quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHCĐ, Điều lệ và các quy định của Pháp luật có liên quan. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

### **Các Phó Tổng Giám đốc**

Công ty có 03 Phó Tổng Giám Đốc là : Phó Tổng Giám Đốc Phụ Trách Nhà Máy kiêm Giám Đốc Sản Xuất, Phó Tổng Giám Đốc – Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng, Phó Tổng Giám Đốc – Giám Đốc Nhân Sự.

Các Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và TGD về công tác tổ chức quản lý và các hoạt động chuyên môn theo từng mảng nhiệm vụ được phân công.

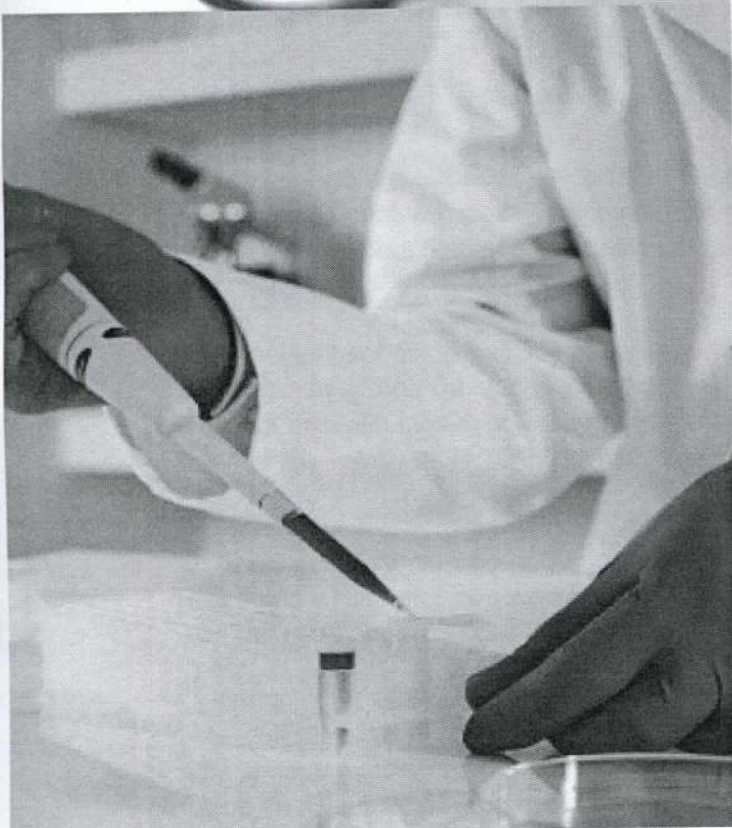
### **Các Giám đốc chức năng**

Công ty có 02 Giám đốc chức năng là Giám đốc chất lượng và Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm điều hành và triển khai các chiến lược theo chức năng quản lý, hỗ trợ đắc lực cho Ban Tổng Giám đốc, đồng thời chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

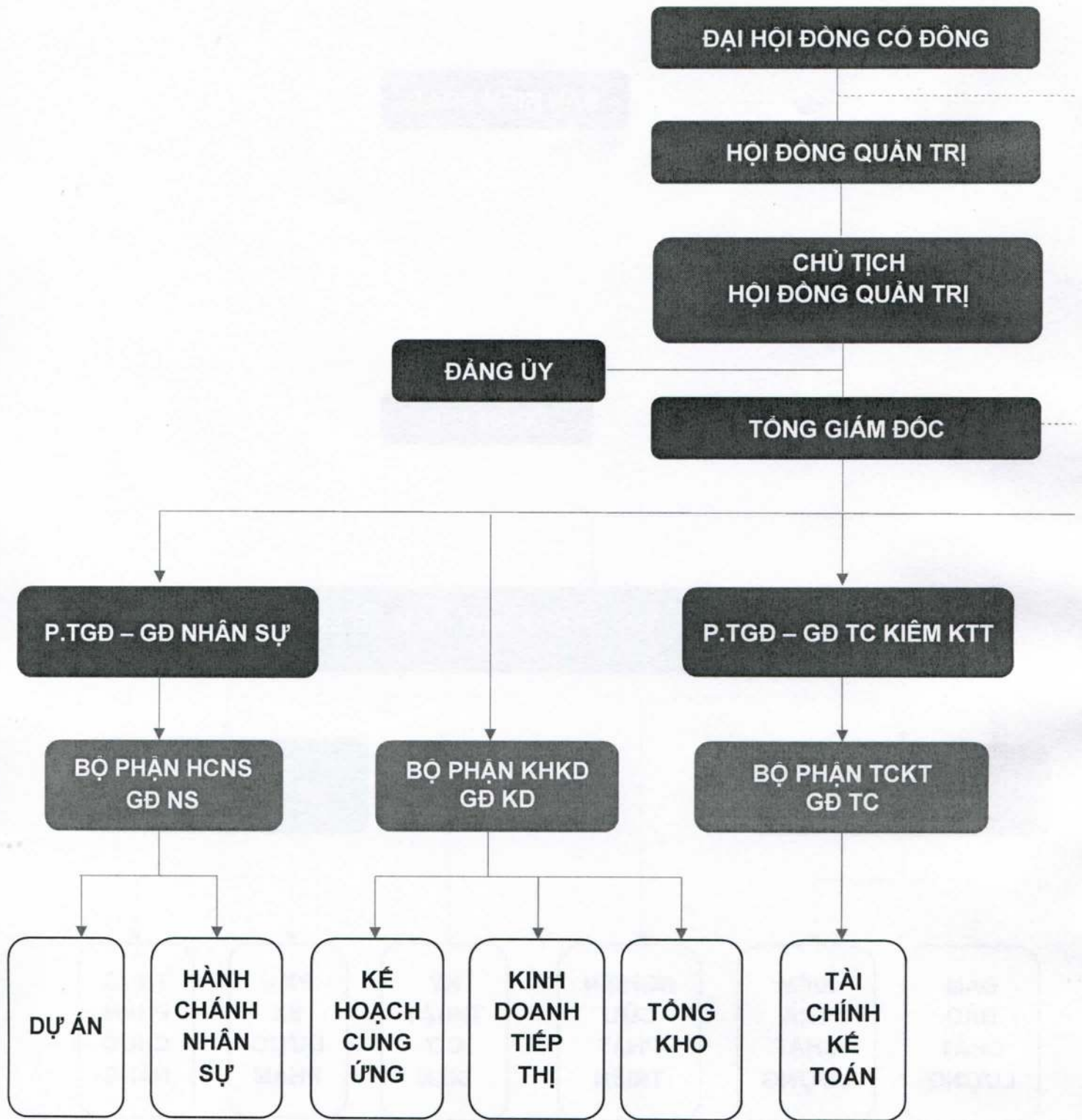
### **Các phòng chức năng và Phân xưởng sản xuất**

Công ty hiện có 09 phòng chức năng (theo sơ đồ tổ chức, quản lý) và 2 dây chuyền sản xuất.

Dây chuyền sản xuất thuốc viên-cốm-bột Non-Betalactam: viên nén, viên nang, viên bao đường, viên bao phim, thuốc bột, thuốc cốm (dây chuyền 1); Dây chuyền sản xuất thuốc nước (Dược liệu - Tân dược) Non-Betalactam: thuốc nước, thuốc ống uống, sirô (dây chuyền 2); Dây chuyền sản xuất thuốc dùng ngoài: thuốc mỡ, kem, dầu xoa, cao xoa, thuốc bột dùng ngoài (phân xưởng 2). Các Xưởng sản xuất chịu trách nhiệm sản xuất theo đúng các tiêu chuẩn WHO - GMP - GLP - GSP và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.









**BAN KIỂM SOÁT**

**ĐOÀN THỂ**

**P.TGD – PHỤ TRÁCH NHÀ MÁY KIỂM GD SX**

**BỘ PHẬN CL  
GD CL**

**BỘ PHẬN SX  
QĐ PX**

**ĐẢM  
BẢO  
CHẤT  
LƯỢNG**

**KIỂM  
TRA  
CHẤT  
LƯỢNG**

**NGHIÊN  
CỨU  
PHÁT  
TRIỂN**

**KỸ  
THUẬT  
CƠ  
ĐIỆN**

**PX –  
SX  
DƯỢC  
PHẨM**

**THỰC  
PHẨM  
CHỨC  
NĂNG**

### **Các công ty con, công ty liên kết**

#### **Công ty TNHH Đầu tư Nam Thiên Phát**

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: Số 78,80 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 06, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Tỷ lệ sở hữu: 40% tương đương 24.000.000.000 VNĐ – thực góp: 14.760.000.000 VNĐ



ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Công ty đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển và bảo vệ thương hiệu NADYPHAR, coi đây là chiến lược trọng tâm, góp phần cho quá trình củng cố, tăng cường kinh doanh và định vị thương hiệu NADYPHAR trong nhận thức khách hàng trong nước và khu vực, sẵn sàng đương đầu với các cạnh tranh. - Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Công bằng, minh bạch, hài hòa giữa quyền lợi cổ đông và quyền lợi người lao động trong khuôn khổ tôn trọng pháp luật

Sử dụng vốn có hiệu quả và bảo toàn vốn, lấy lợi nhuận hợp pháp làm nền tảng cho mọi thu nhập của Công ty



Xem việc sản xuất dược phẩm làm nền tảng phát triển chính của Công ty và chất lượng sản phẩm đặt lên hàng đầu



Đầu tư hiệu quả các lĩnh vực khác

Từng bước mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát triển mạng lưới và chi nhánh bán hàng, đồng thời củng cố đẩy mạnh phát triển thị trường, áp dụng linh hoạt các chính sách về giá cả, chi phí hoa hồng, chiết khấu, tiếp thị, cùng với các chính sách khen thưởng cho các mức độ cống hiến phù hợp để tạo động lực phát huy hiệu quả trong SXKD



## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Nhiệm vụ chiến lược của Công ty là xây dựng Công ty trở thành một trong những công ty Dược của Việt Nam phát triển vững mạnh và toàn diện lĩnh vực SXKD Dược phẩm, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận từ 10%/năm trở lên. Công ty tiếp tục ổn định và mở rộng quy mô sản xuất, thăm dò thị trường, tìm kiếm đối tác để hợp tác và gia công sản phẩm góp phần làm tăng hiệu quả của Công ty.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh để tăng thêm thị trường tiêu thụ, tăng cường việc đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, đẩy mạnh sản xuất thực phẩm chức năng tại nhà máy Q2 để đa dạng hóa sản phẩm.

Tập trung khai thác các mặt bằng hiện có một cách hiệu quả thông qua việc hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng, kho bãi.

Một số chiến lược cụ thể cho định hướng phát triển của Công ty trong các hoạt động sau:

### - Hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, định hướng cho việc xuất khẩu dược phẩm, kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát chi phí chặt chẽ, sử dụng vốn có hiệu quả cao nhất để đầu tư máy móc, thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, để tăng năng suất lao động cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và khắt khe của thị trường trong và ngoài nước.
- Mở rộng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm, đa dạng hóa thị trường. Đẩy mạnh tham gia đấu thầu cung cấp thuốc cho khối điều trị tại các bệnh viện và các chương trình quốc gia.
- Tăng cường công tác sản xuất gia công dược phẩm, thực phẩm chức năng.
- Xây dựng các chương trình quảng cáo đồng bộ, có hiệu quả, khuyến mãi và xây dựng giá cả phù hợp đến tay người tiêu dùng, duy trì tham gia thực hiện chương trình bình ổn giá của Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh.
- Nghiên cứu mặt hàng mới có nguồn gốc Dược liệu. Mặt hàng có chất lượng và giá trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường.
- Từng bước củng cố, tăng cường nghiên cứu sản phẩm thực phẩm chức năng, nâng cao năng suất của dây chuyền sản xuất.
- Chuẩn bị các dự toán cho dây chuyền sản xuất thuốc đông dược.

### - Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu

- Tiếp tục tăng cường tham gia chủ trương "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", "Người Việt dùng thuốc Việt".
- Xây dựng thương hiệu NADYPHAR bền vững, không ngừng mở rộng và giữ vững thị trường truyền thống, mở thêm thị trường mới sang Campuchia và các nước khác.
- Tăng cường việc tiếp thị ở thị trường nội địa, quốc tế thông qua các hình thức tham gia các hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu sản phẩm và khuyến khích thương hiệu trên các kênh thông tin cũng như trên các diễn đàn thiết thực và có hiệu quả.
- Mở rộng quan hệ công chúng, chăm sóc khách hàng chu đáo, tổ chức hội nghị khách hàng hàng năm.
- Tham gia các hiệp hội ngành hàng, các tổ chức chuyên môn, các hội nghề nghiệp để tìm cơ hội hợp tác đầu tư, phát hành Catalog giới thiệu sản phẩm vào các tài liệu khoa học để hướng dẫn, giới thiệu sản phẩm cùng với việc cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm cho giới điều trị và người tiêu dùng.



## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

**Tăng trưởng kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Nadyphar.

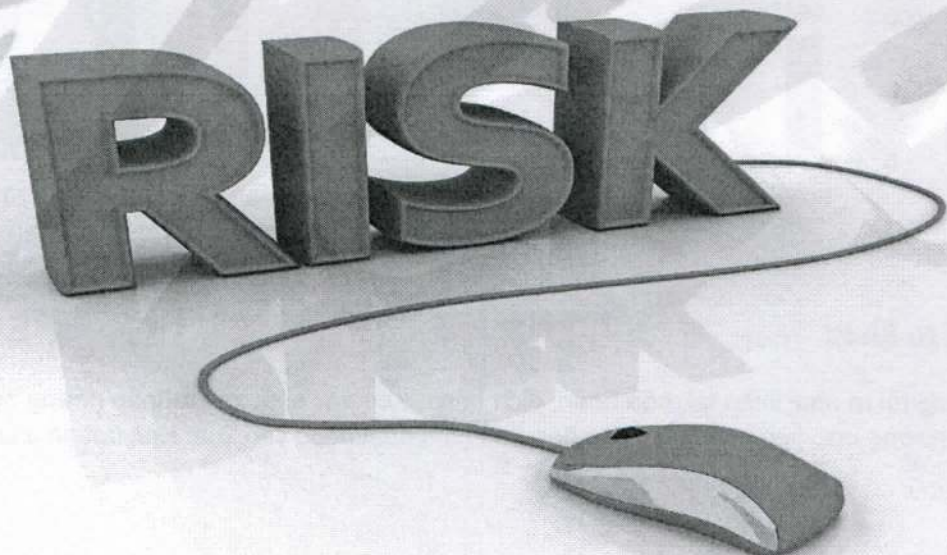
**Lạm phát:** Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam có xu hướng tăng với biên độ khá lớn tạo ra sức tăng về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của doanh nghiệp.

**Lãi suất:** Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỉ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

**Rủi ro thanh khoản:** Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể kiểm soát được mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

### Rủi ro chính sách và pháp luật

Hiện tại, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật đất đai, Luật kinh doanh bất động sản, Luật chứng khoán,... và các văn bản hướng dẫn thi hành. Những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi kịp thời, từ đó đưa ra những kế hoạch phù hợp.



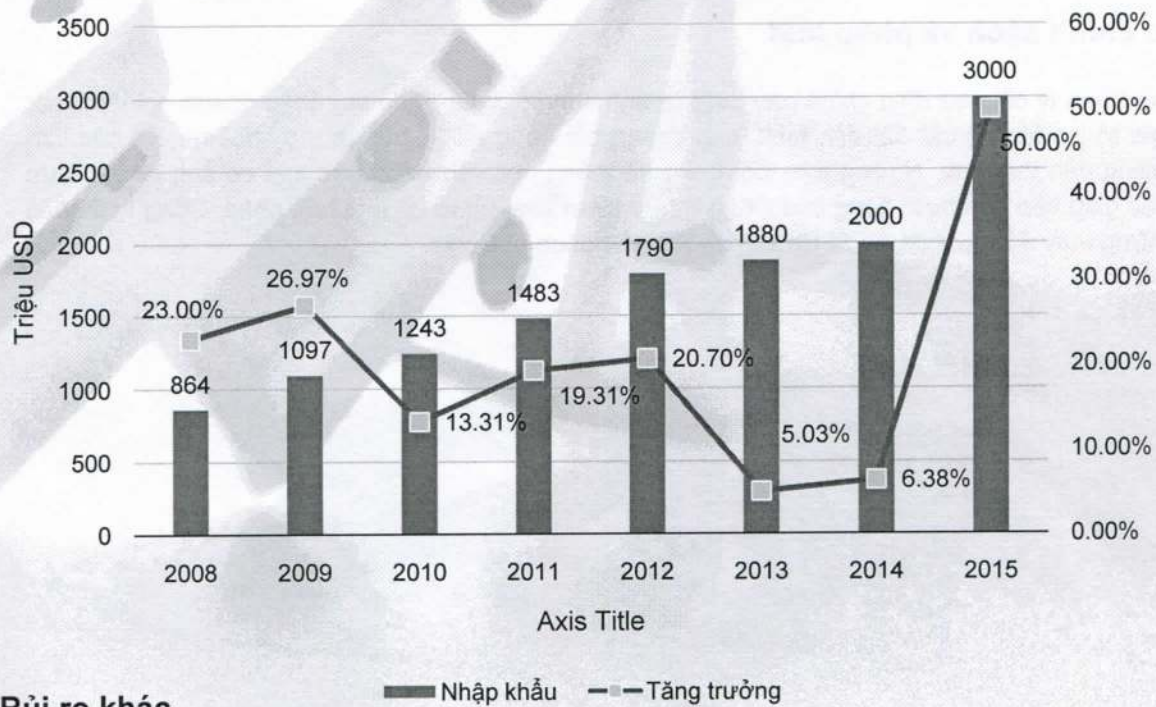


### Rủi ro đặc thù ngành

**Rủi ro cạnh tranh:** Hiện nay trên thị trường có hơn 180 nhà sản xuất thuốc trong đó hơn 100 doanh nghiệp sản xuất tân dược còn lại là các doanh nghiệp sản xuất đông dược, trong đó có nhiều doanh nghiệp nước ngoài và liên doanh, tạo nên sự cạnh tranh lớn về cả chất lượng lẫn giá cả và mạng lưới phân phối. Ngoài ra, sự xâm nhập bất hợp pháp của các mặt hàng giả, hàng nhái kém chất lượng đi vào trong nước ảnh hưởng đến uy tín của ngành nói chung và cạnh tranh không lành mạnh gây áp lực cho các doanh nghiệp dược phẩm. Bên cạnh đó, lộ trình gia nhập WTO của Việt Nam, tiến đến ký kết hiệp định TPP dự kiến sẽ gỡ bỏ nhiều rào cản thuế quan, tỷ lệ sở hữu... tạo cơ hội cho các doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam. Trước tình hình đó, Công ty luôn ý thức xây dựng thương hiệu, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để thương hiệu NADYPHAR được nhiều người tiêu dùng biết đến và tin dùng hơn nữa.

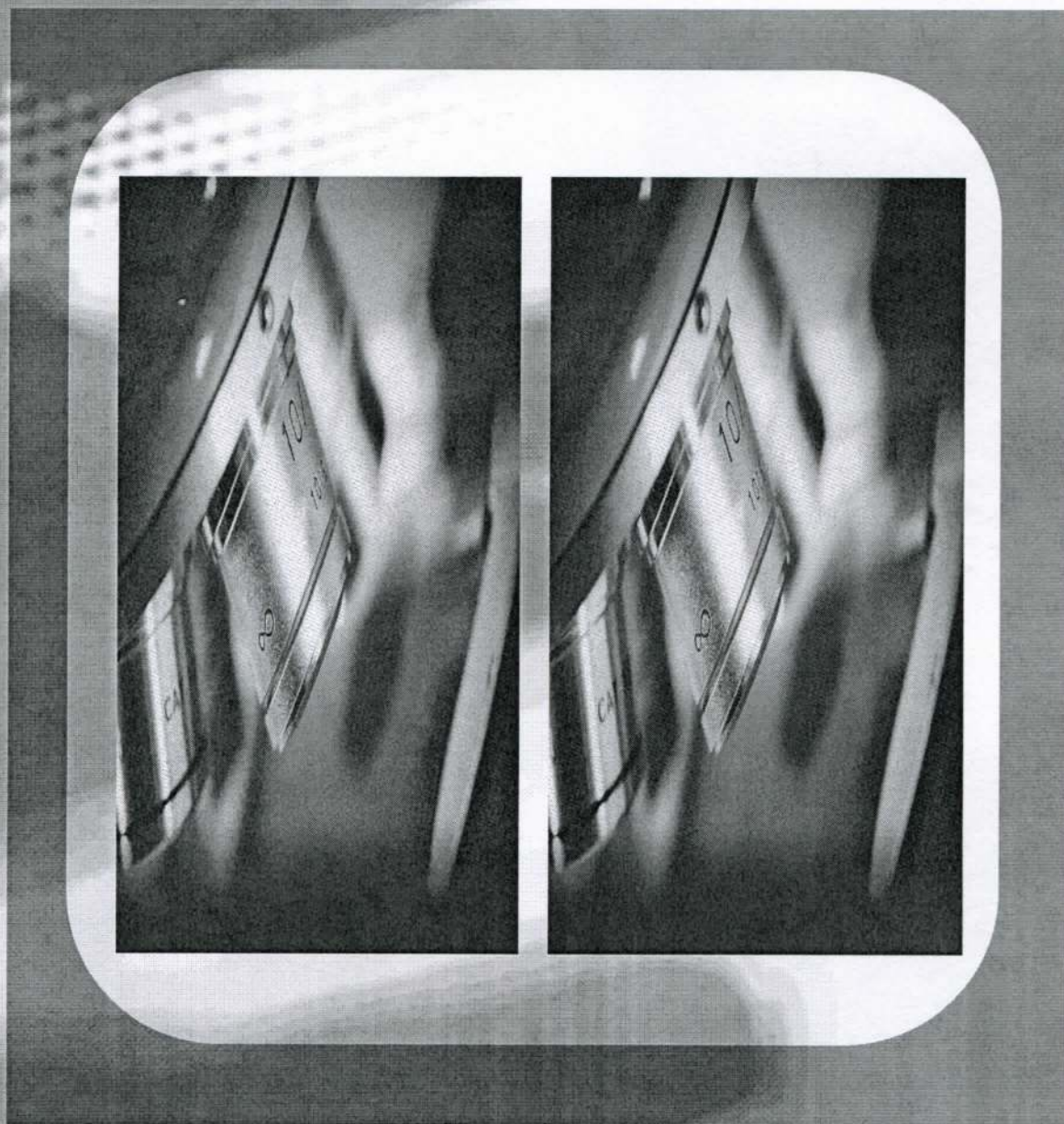
**Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào:** Việt Nam vẫn chưa phát triển công nghệ hóa dược, do đó hầu hết nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đều phải nhập khẩu. Theo số liệu của Bộ y tế và Cục quản lý dược, 90% hóa dược phẩm Việt Nam nhập nguyên liệu sản xuất dược phẩm phải nhập từ nước ngoài (trong đó chủ yếu đến từ Trung Quốc và Ấn Độ). Do đó, mọi biến động giá cả nguyên vật liệu hoặc tỷ giá có thể ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Tình hình nhập khẩu dược phẩm của VN



### Rủi ro khác

Những rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... có xác suất xảy ra thấp nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



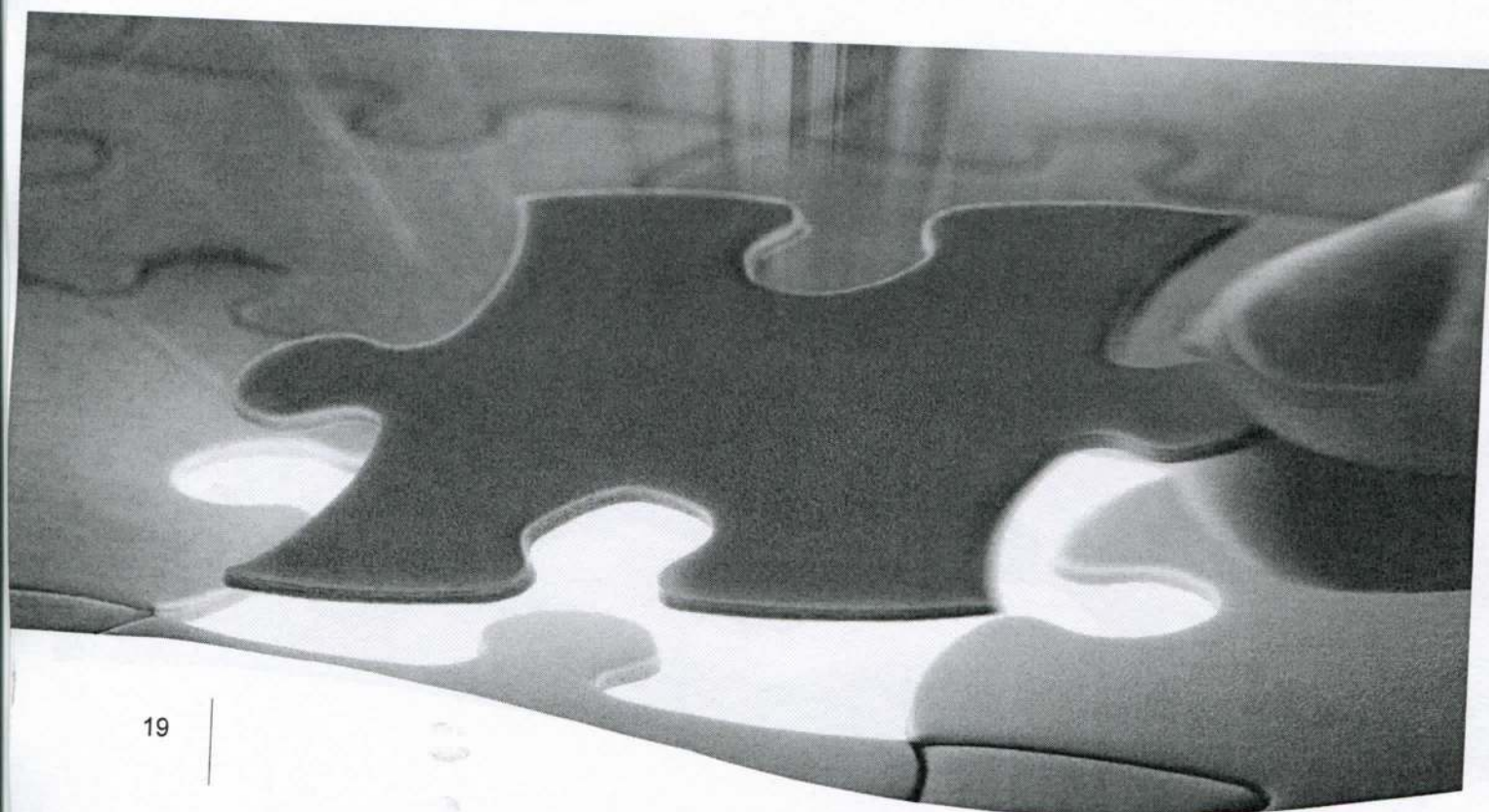


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

## SẢN XUẤT KINH DOANH

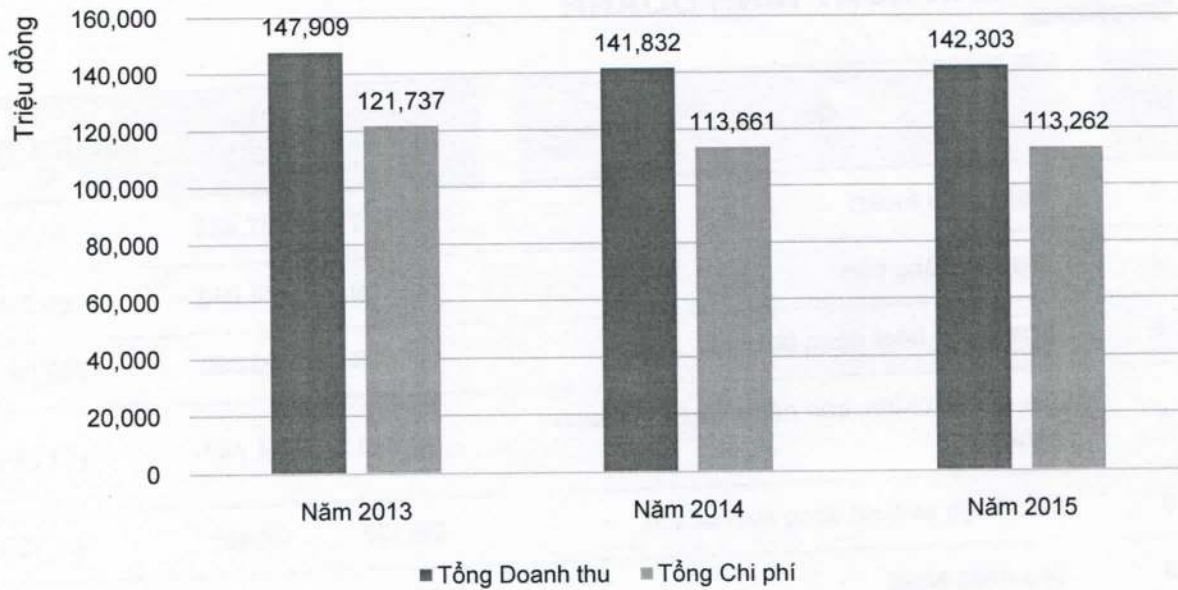
STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	%2015/2014
1	Doanh thu thuần	136.517	127.451	93,36%
2	Giá vốn hàng bán	78.709	74.943	95,22%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	608	10.690	1758,04%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	30.280	34.747	114,75%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.136	28.451	101,12%
6	Thu nhập khác	103	693	674,74%
7	Chi phí khác	67	104	153,66%
8	Lợi nhuận khác	35	590	1667,28%
9	Lợi nhuận trước thuế	28.171	29.041	103,09%
10	Lợi nhuận sau thuế	21.902	21.714	99,14%
11	EPS (đồng/cổ phiếu)	3.157	2.934	92,94%

(ĐVT: Triệu đồng)

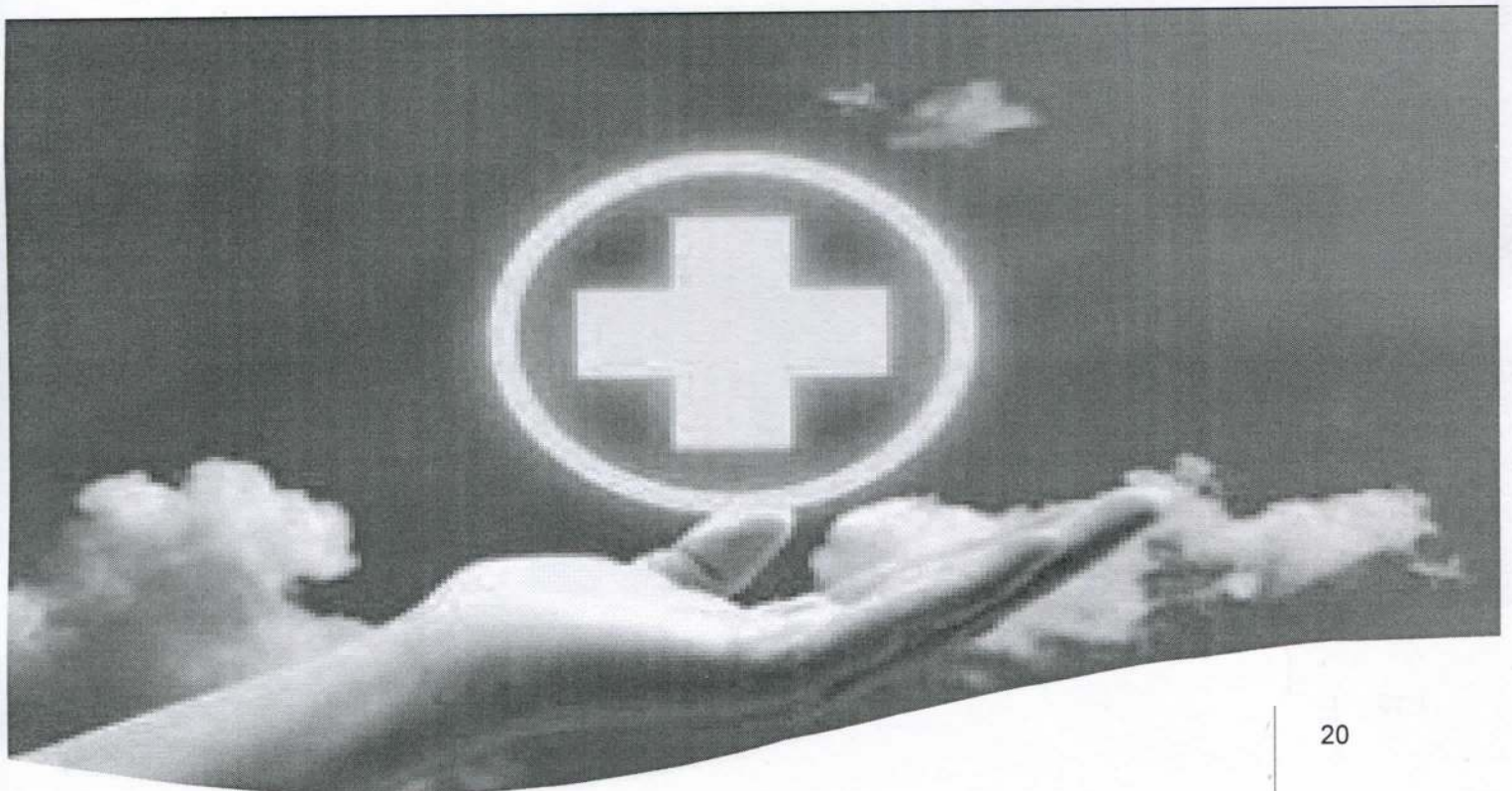




## Tổng doanh thu và tổng chi phí qua các năm



Doanh thu thuần năm 2015 đạt 127 tỉ đồng giảm 6,64% so với năm 2014 vì năm 2015 đối với ngành Dược tồn tại nhiều khó khăn và thách thức bởi sự cạnh tranh quyết liệt giữa thuốc nội và thuốc ngoại diễn ra mạnh hơn, đối với Công ty có khó khăn và hạn chế do thông tư 01/2012/TTLT-BYT hướng dẫn về công tác đấu thầu thuốc, CTCP Dược phẩm 2-9 có sản phẩm chất lượng tốt nhưng giá bán không cạnh tranh nổi với các Công ty Dược khác, nên tỷ lệ trúng thầu ở các bệnh viện rất thấp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu thụ. Trong khi đó, chi phí năm 2015 ở mức xấp xỉ 35 tỉ đồng, tăng 14,75% so với cùng kì năm trước cũng là một bất lợi đối với Công ty kéo theo lợi nhuận sau thuế chỉ đạt mức xấp xỉ 22 tỉ giảm 0,86% so với năm trước.





TỔ CHỨC  
VÀ NHÂN SỰ

**Danh sách Ban điều hành**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Ông Cáp Hữu Ánh	Tổng Giám đốc	83.725	1,51%
2	Bà Trương Thị Thái Hòa	P.Tổng Giám đốc	41.575	0,75%
3	Bà Trịnh Bích Dung	P.Tổng Giám đốc kiêm KTT	46.397	0,84%
4	Ông Bùi Ngọc Thắng	P.Tổng Giám đốc	34.522	0,62%

**Ông Cáp Hữu Ánh – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Cáp Hữu Ánh**
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1954
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 020083932 do Công an Tp.HCM cấp ngày 01/04/2009
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 569 Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.38687347-128
- Quá trình công tác:

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - TV điều hành kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh
- Chức vụ tại tổ chức khác:
  - Phó Chủ tịch Thường Trực Hội Dược Thành phố Hồ Chí Minh
  - Trưởng Ban kiểm soát Ban Chấp Hành Hiệp Hội Dược Việt Nam

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
1973 - 1980	Đại Học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
1980 - 1982	Phòng Quân Y – Cục Hậu Cần Quân Khu 7
1983 - 1990	DS.chuyên môn kỹ thuật – sản xuất Xí nghiệp Dược 24
1990 - 1994	Phó Giám Đốc Công ty cổ phần Mekopharma
1995 - 2003	Giám Đốc Công ty Dược Mekong (Mekophar)
2003 - 2007	Tổng Giám đốc Công ty Dược Roussel.VN



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2006 - 2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược Sài Gòn Sapharco
2011 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh Phó Chủ tịch Thường trực Hội Dược Thành phố Hồ Chí Minh Trưởng Ban kiểm soát Ban Chấp Hành Hiệp Hội Dược Việt Nam

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 103.725 cổ phần - 1,87%

- Sở hữu cá nhân: 103.725 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có.

**Bà Trương Thị Thái Hòa** – Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Trương Thị Thái Hoà**

- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1956

- Giới tính: Nữ

- Số CMND: 020036911 do Công an Tp.HCM cấp ngày 18/04/2011

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Quê quán: Bạc Liêu

- Địa chỉ thường trú: 194 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

- Quá trình công tác:

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

- Chức vụ hiện nay tại Công ty:

- Thành viên Hội đồng quản trị – TV điều hành
- Phó Tổng Giám đốc – Giám Đốc Nhân Sự Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
1981 - 1982	Dược sĩ Phân xưởng viên Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1982 - 1984	Dược sĩ Phân xưởng dầu Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1984 - 1987	Dược sĩ Phòng Nghiên Cứu Kỹ Thuật Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1987 - 1991	Phó Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1991 - 1992	Trưởng Phòng Nghiên cứu Kỹ thuật Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1992 - 2001	Phó Giám Đốc - Phụ trách kỹ thuật Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh

2001 - 2005	Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2001-2005) Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
2005 - 2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Nhà máy - Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2005-2011) Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
2011 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Giám Đốc Nhân Sự - Thành viên Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 41.575 cổ phần – tỷ lệ 0,75%
  - Sở hữu cá nhân: 41.575 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:
  - Dương Thị Tới (Mẹ ruột), sở hữu 3.712 cổ phần, tỷ lệ 0,07%
  - Trương Vĩnh Thọ (Anh ruột), sở hữu 3.712 cổ phần, tỷ lệ 0,07%



**Bà Trịnh Bích Dung** – Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc

- |   |   |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ và tên: <b>Trịnh Bích Dung</b></li> <li>- Ngày tháng năm sinh: 30/03/1959</li> <li>- Giới tính: Nữ</li> <li>- Số CMND: 022236962 do Công an Tp.HCM cấp ngày 30/08/2010</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Quê quán: Đà Nẵng</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 197/33 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình, Tp.HCM</li> <li>- Quá trình công tác:</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại Công ty:           <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành viên Hội đồng quản trị - TV điều hành</li> <li>• Phó Tổng Giám đốc; Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có</li> </ul> |
|---|---|

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
1983 - 1990	Nhân viên kế toán tiền lương Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.HCM
1990 - 1991	Nhân viên kế toán tổng hợp Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.HCM
1991 - 1998	Phó Phòng Tài Chính Kế Toán Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.HCM
10/2001 – 03/2006	Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2001 - 2005) - Phó



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

	Phòng Tài Chính Kế Toán Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
04/2006 – 30/06/2010	Thành viên Hội đồng quản trị Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
07/2010 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc, Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 46.397 cổ phần – 0,84%
  - Sở hữu cá nhân: 46.397 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:
  - Trần Quyền Lễ (Chồng), sở hữu 34.408 cổ phần, tỷ lệ 0,62 %
  - Trịnh Quốc Lương (Em ruột), sở hữu 11.250 cổ phần, tỷ lệ 0,20 %
  - Trần Thực Nhân (Em chồng), sở hữu 1.237 cổ phần, tỷ lệ 0,02 %



**Ông Bùi Ngọc Thắng** – Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc

- |  |   |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ và tên: <b>Bùi Ngọc Thắng</b></li> <li>- Ngày tháng năm sinh: 02/03/1956</li> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Số CMND: 020036885 do Công an Tp.HCM cấp ngày 26/06/2006</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Quê quán: Nam Định</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 301 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, Tp.HCM</li> <li>- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.37422636</li> <li>- Quá trình công tác:</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại Công ty:           <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành viên Hội đồng quản trị - TV điều hành</li> <li>• Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách Nhà máy Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp. Hồ Chí Minh</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có</li> </ul> |
|--|---|

Thời gian	Đơn vị công tác
1981 - 1982	Dược sĩ pha chế Phân xưởng sản xuất dầu cao Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1982 - 1989	Nhân viên Phòng Kỹ Thuật Nghiên Cứu Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
1989 - 1990	Nhân viên Phòng Kiểm Nghiệm – Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh

1990 - 2000	Phó Phòng Kiểm Nghiệm – Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
2000 - 2006	Trưởng Phòng Kiểm Tra Chất Lượng – Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
2006 - 2010	Giám đốc Chất lượng - Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2006-2010) Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
2010 đến 2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chất Lượng Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
2011 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách Nhà máy Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 34.522 cổ phần – tỷ lệ 0,62%
  - Sở hữu cá nhân: 34.522 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

### Những thay đổi trong ban điều hành

Không có.

### Số lượng cán bộ, nhân viên

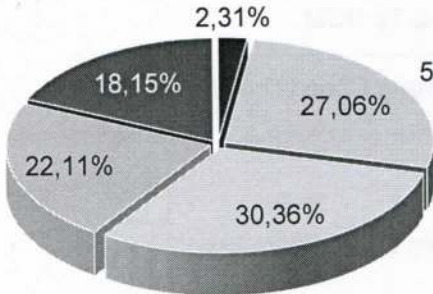
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>303</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ trên đại học	7	2,31%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	82	27,06%
3	Trình độ trung cấp	92	30,36%
4	Công nhân kỹ thuật	67	22,11%
5	Lao động phổ thông	55	18,15%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>303</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	226	74,59%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	16	5,28%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	61	20,13%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>303</b>	<b>100%</b>



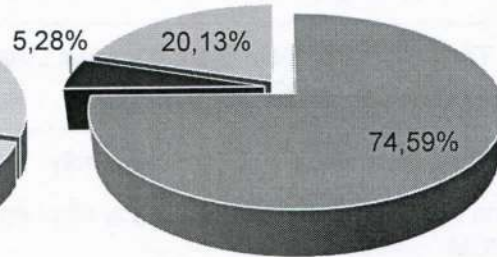
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1	Nam	123	40,59%
2	Nữ	180	59,41%

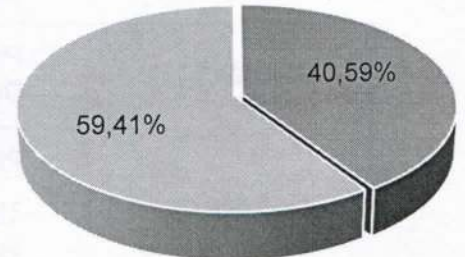
Theo trình độ lao động



Theo loại hợp đồng lao động



Theo giới tính



- Trình độ trên đại học
- Trình độ trung cấp
- Lao động phổ thông

- Trình độ đại học, cao đẳng
- Công nhân kỹ thuật

- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

- Nam
- Nữ

Cho đến hết nhiệm kỳ III (Tháng 4/2016), không tuyển thêm lao động phổ thông, bộ phận nào cần lao động sẽ điều chuyển trong nội bộ Công ty, đối với cán bộ quản lý và chất xám căn cứ vào tình hình thực tế, cần cân nhắc, chọn lọc trước khi tuyển dụng, trước mắt Tổng Giám Đốc cho rà soát lại nhu cầu lao động của các bộ phận, nhằm giảm bớt lao động dư thừa để tránh lãng phí và đảm bảo ít ảnh hưởng đến quỹ lương.







TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

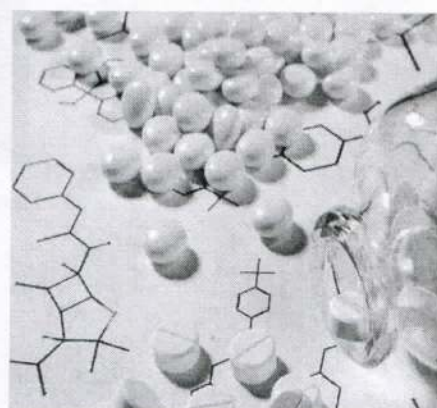
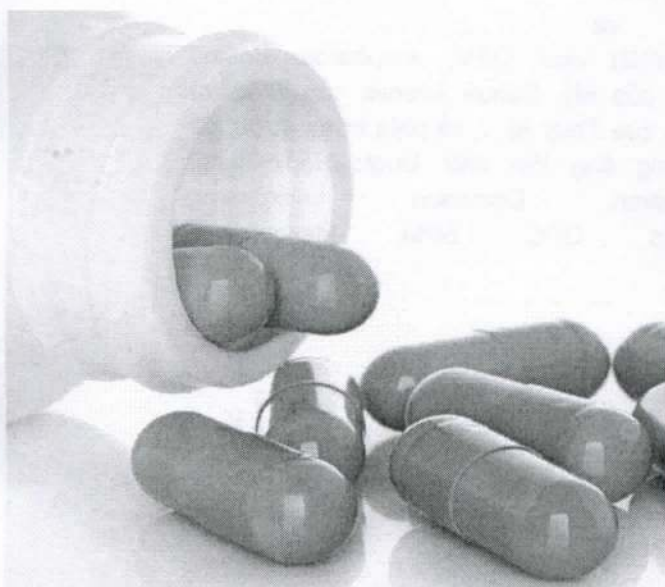
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

**Các khoản đầu tư lớn**

- Tổ chức thành lập tiểu ban chỉ đạo và thực hiện dự án mở rộng, xây dựng công trình dây chuyền sản xuất mới trình Đại hội cổ đông quyết định dự án tiền khả thi trong khuôn viên Nhà máy.
- Tiếp tục theo dõi, thực hiện đúng tiến độ hợp đồng chuyển nhượng tài sản tại Số 90 Hùng Vương Quận 5 cho đối tác (Công ty GB Pharma).
- Triển khai thực hiện tốt các hợp đồng liên doanh tại khu vực 299/22 Lý Thường Kiệt quận 11. Giao cho các bộ phận cụ thể cứ mỗi 6 tháng báo cáo với Tổng Giám Đốc 1 lần về tình hình cho thuê kho tàng.
- Khẩn trương có các giải pháp thích hợp có hiệu quả, đối với cơ sở số 5 Kinh Dương Vương quận 6, sau khi Công ty Thế Giới Di Động trả lại mặt bằng do không xin được giấy phép xây dựng, trước mắt Công ty cần khẩn trương xin giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên đất, và xin chuyển đổi mục đích sử dụng dự án từ xây dựng văn phòng cho thuê và trung tâm thương mại sang làm kho cho thuê và Showroom, để cho thế giới di động thuê tiếp là phương án tốt nhất.

**Các công ty con, công ty liên kết**

Không có.





TÌNH HÌNH  
TÀI CHÍNH

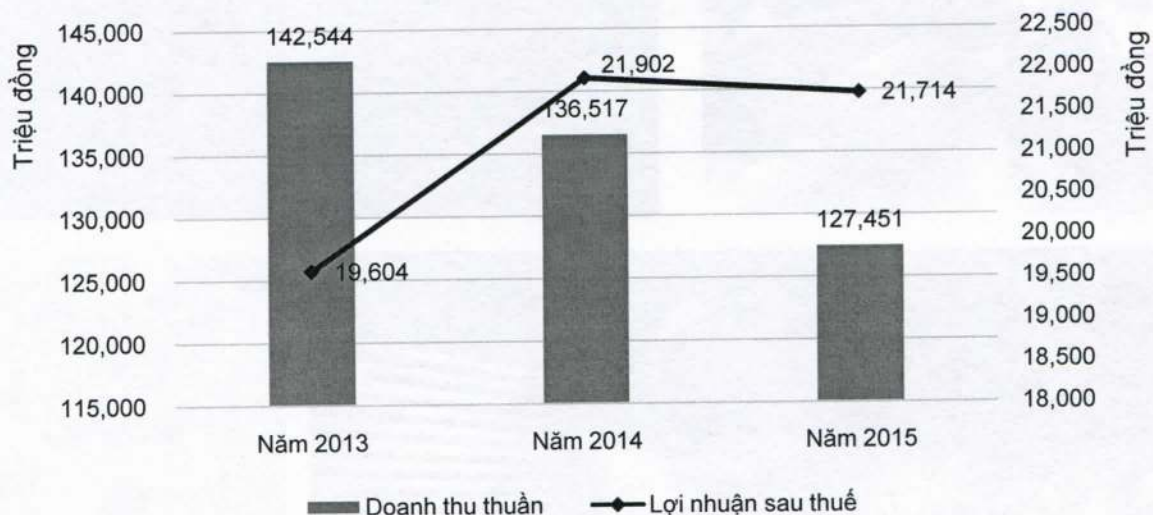
Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	%2015/2014
1	Tổng tài sản	161.796	170.939	105,65%
2	Doanh thu thuần	136.517	127.451	93,36%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.136	28.451	101,12%
4	Lợi nhuận khác	35	590	1667,28%
5	Lợi nhuận trước thuế	28.171	29.041	103,09%
6	Lợi nhuận sau thuế	21.902	21.714	99,14%
7	Tỷ lệ cổ tức	18%	18%	100%

Ngành dược Việt Nam có khoảng gần 180 nhà sản xuất thuốc trong đó hơn 100 doanh nghiệp sản xuất tân dược còn lại là các doanh nghiệp sản xuất đông dược. Do đặc điểm các loại thuốc chữa bệnh sản xuất tại VN hầu hết là trị các bệnh thông thường vì vậy giá thành phải thấp để cạnh tranh với thuốc ngoại và cũng dễ dàng cung ứng trong hệ thống y tế bảo hiểm. Sự cạnh tranh về giá càng thể hiện rõ hơn cho NADYPHAR trong đấu thầu thuốc bệnh viện (kênh ETC).

, tăng trưởng doanh thu thuốc cả nước (2013-2014). Ngoài ra, chưa kể đến và (FDI) như OPV, Ampharco, Boston Pharma của Mỹ, Sanofi Aventis của Pháp và Novartis của Thụy Sĩ...; về phía trong nước, đã có những ông lớn như Dược Hậu Giang, Pymepharco, Domesco, Imaxpharm, Traphaco, OPC, SPM, Mekophar,...

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế



Với những khó khăn như trên, CTCP Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh gặp không ít những bất lợi trong năm 2015 nhưng nhìn chung các tiêu chí đánh giá về hoạt động của NADYPHAR vẫn tốt. Mặc dù, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế có giảm so với năm 2014 nhưng không nhiều. Cụ thể, Doanh thu thuần năm 2015, Doanh thu thuần đạt mức 127 tỉ đồng chiếm 93,36% so với năm 2014 nhưng chi phí lại tăng cao kéo theo lợi nhuận sụt giảm chỉ ở mức 21,7 tỉ đồng chiếm 99,14% so với cùng kì năm trước.

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,73	2,27
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,93	1,43
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,24
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,40	0,31
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,23	2,37
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,81	0,77
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,04	17,04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,30	17,15
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,05	13,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,61	22,32



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

**THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**Cổ phần**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: NDP

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.550.000 CP
- Loại cổ phần lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.550.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

**Cơ cấu cổ đông**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>360</b>	<b>5.550.000</b>	<b>55.500.000.000</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	1.609.500	16.095.000.000	29%
2	Cổ đông tổ chức	4	593.333	5.933.330.000	11%
3	Cổ đông cá nhân	355	3.347.167	33.471.670.000	60%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Cá nhân	0	0	0	0
2	Tổ chức	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>360</b>	<b>5.550.000</b>	<b>55.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Không có.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ, các chứng khoán khác**

Không có.



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN

## MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Chính sách liên quan đến môi trường

Công tác bảo vệ môi trường (BVMT) đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới thông qua việc Nhà nước ta không ngừng kiện toàn cơ chế, chính sách, pháp luật về BVMT trong đó nhấn mạnh, BVMT là trách nhiệm của toàn xã hội, của mọi người, mọi cá thể vì môi trường có tác động qua lại, gắn kết hữu cơ với hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp, từng lĩnh vực, từng ngành nghề. Do đó, NDP luôn ý thức việc giữ gìn, bảo vệ môi trường là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. NDP bằng nhiều biện pháp nhằm tối thiểu hóa những tác động gây ảnh hưởng đến môi trường như:

- Cải tiến, đầu tư công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường; đầu tư nghiên cứu, cải tiến mẫu mã, chất lượng nhằm sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường vừa là một biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sống còn là một kênh hữu hiệu để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của NADYPHAR đến gần với tay của người tiêu dùng hơn nữa.
- Công tác nghiên cứu, đánh giá về môi trường xung quanh của doanh nghiệp luôn được chú trọng. NDP hướng đến đào tạo cá nhân chuyên môn hóa trong lĩnh vực này để có thể có được kiến thức chuyên môn, đưa ra những biện pháp nhằm giảm thiểu các vấn đề phát thải trong quá trình sản xuất, tuân thủ theo những quy định, quy chuẩn trong vấn đề bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức đến với người lao động về chính sách giảm phế thải, phung phí trong sản xuất, tái chế các vật liệu còn sử dụng được cũng vừa là một biện pháp giảm chi phí cho Công ty. Quy định về việc tiết kiệm điện như: tắt hết đèn, quạt, máy điều hòa khi không sử dụng, không cần thiết. Đầu tư thiết bị kiểm tra các chỉ số năng lượng tại nhà máy; lắp các đồng hồ đo điện, nước tiêu thụ; giám sát và ghi số liệu hằng ngày; lắp công tắc đèn từng khu vực trong nhà xưởng; thay thế đèn chiếu sáng nhiều nơi; dùng đèn điều khiển tự động cho nhà vệ sinh; tận dụng ánh sáng tự nhiên.

### Chính sách đối với người lao động

#### Chế độ làm việc

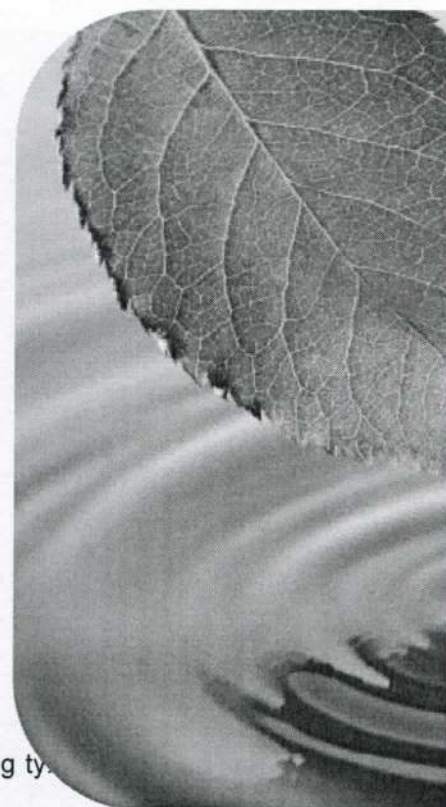
- Thời gian làm việc: 44 giờ/tuần.
- Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao Động cùng với các chính sách đãi ngộ của Công ty như tiền ăn giữa ca, chế độ độc hại, bồi dưỡng nặng nhọc.
- Thời gian nghỉ phép năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản,... được đảm bảo thực hiện đúng theo luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội, luật Bảo hiểm y tế và các quy định khác của Bộ LĐTBXH.

#### Điều kiện làm việc

Nhà xưởng sản xuất đạt tiêu chuẩn về độ sạch theo tiêu chuẩn của WHO, văn phòng làm việc Công ty thoáng mát thuận lợi cho người lao động trong quá trình làm việc, sản xuất. Đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, điều kiện để vệ sinh lao động, đảm bảo và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

#### Chính sách lương thưởng, trợ cấp và các chế độ cho người lao động

- Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng để thực hiện trong Công ty.





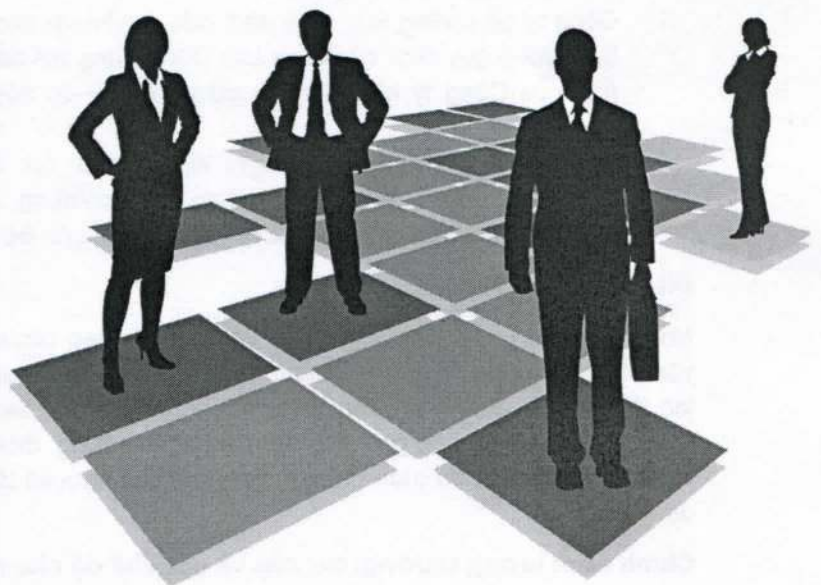
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

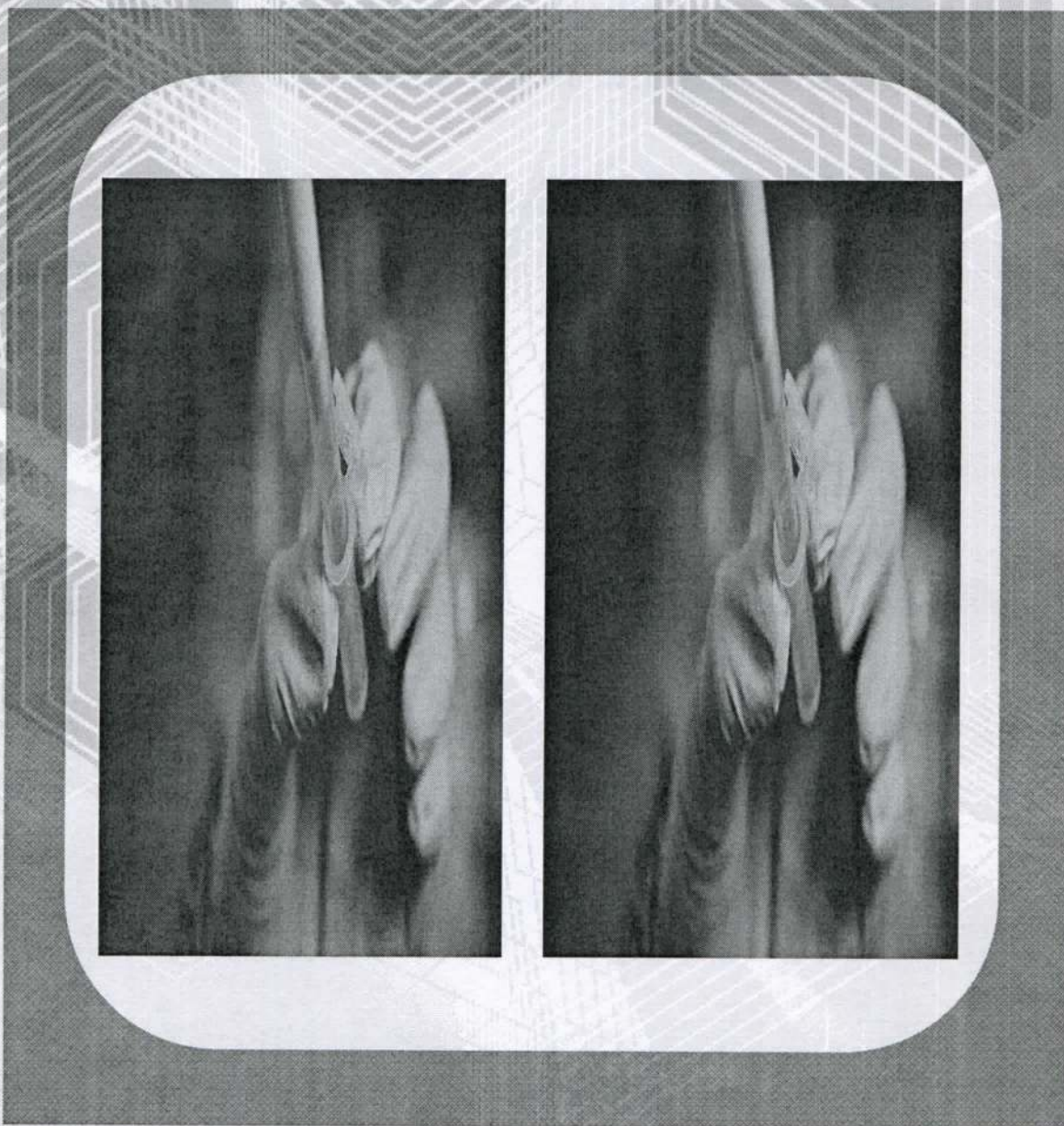
gián tiếp được trả theo trình độ cho từng chức danh chuyên môn công việc. Đối với khối trực tiếp SX, tiền lương được áp dụng theo hình thức lương sản phẩm được tính theo đơn giá SP cho sản phẩm nhập kho hàng tháng. Đối với Phòng Kinh Doanh Tiếp Thị Công ty có thêm hình thức trả lương khoán doanh số cho trình dượng viên.

- Công ty thực hiện đầy đủ các khoản trích nộp cho người lao động về: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, song song với việc trích nộp, Công ty đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ việc chi trả về các chính sách chế độ theo quy định của Nhà Nước cho người lao động cũng như Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, hoàn cảnh gia đình có khó khăn và các chế độ khác như cưới hỏi, ma chay v.v... Năm 2015, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể Cán bộ công nhân viên và tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát tại Mũi Né.
- Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty góp phần tăng hiệu quả trong SXKD đối việc tăng năng suất, chất lượng hoàn thành công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức tổng kết và khen thưởng cán bộ công nhân viên với các hình thức: Thưởng sáng kiến, Thưởng các danh hiệu (Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Thưởng ABC), Thưởng tập thể với các danh hiệu (Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến...)

### Mức lương bình quân người lao động

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2013	353	6.870.607
2	2014	331	7.758.063
3	2015	303	8.174.625





## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	TH 2015/ KH 2015	TH 2015/ TH 2014
1	Doanh thu	141.121	130.919	155.000	84,46%	92,77%
	Doanh thu bán hàng hóa sản xuất	135.300	124.767	-	-	92,22%
	Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	89	-	-	-	0,00%
	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	5.732	6.152	-	-	107,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	28.171	29.041	29.000	100,14%	103,09%
3	Trả cổ tức	18%	18%	18%	100,00%	

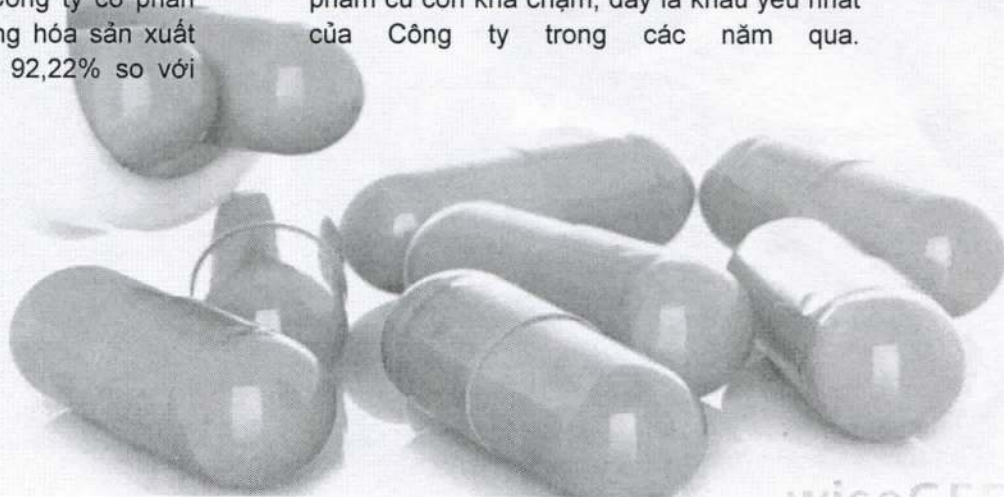
(ĐVT: Triệu đồng)

Các doanh nghiệp Dược ở Việt Nam đều tập trung các sản phẩm thuốc generic vì vậy có sự trùng lặp chức năng công dụng tạo nên sự cạnh tranh lẫn nhau khá lớn ngay tại thị trường trong nước. Theo Thông tư 01 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP về quy định đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế đã giúp nhà nước tiết kiệm 20% - 35% tiền đấu thầu nhờ vào tiêu chí lựa chọn giá chào thầu thấp. Nghị định này cũng đã gây ảnh hưởng đáng kể đến các công ty dược phẩm trong nước khi thuốc bệnh viện chiếm một tỷ trọng nguồn thu rất lớn nay gặp sự cạnh tranh các công ty dược phẩm nước ngoài với các sản phẩm có dược tính thấp nhưng ưu thế giá rẻ sẽ được trúng thầu bệnh viện.

Do tình hình chung của ngành Dược Việt Nam nên tăng trưởng của Công ty có phần chậm lại, doanh thu bán hàng hóa sản xuất năm 2015 đạt 125 tỉ chiếm 92,22% so với

năm trước, mảng gia công được Công ty tinh gọn, dẫn đến lợi nhuận giảm phải nhờ lợi nhuận từ việc chuyển nhượng dự án đề bù đắp nên chỉ tiêu lợi nhuận được duy trì.

Qua hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện của nhiệm kỳ III, Công ty còn nhiều việc phải làm, phải khắc phục và đổi mới để đưa Công ty tiến triển, phát triển đi lên, theo hướng đạt hiệu quả cao hơn, ổn định và vững chắc hơn. Công ty cần tập trung phát huy thế mạnh của Công ty là thương hiệu Nadyphar, hệ thống tài sản cố định, nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Sản phẩm Công ty với cơ cấu chưa đa dạng, mất đi các mặt hàng chủ lực, hoặc bị cạnh tranh, hàng nhái. Tốc độ ra đời các sản phẩm mới có khả năng thay thế sản phẩm cũ còn khá chậm, đây là khâu yếu nhất của Công ty trong các năm qua.





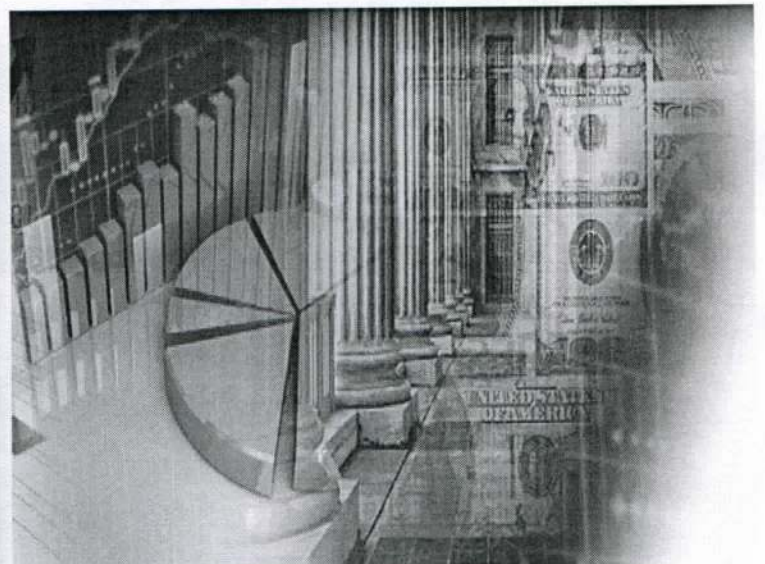
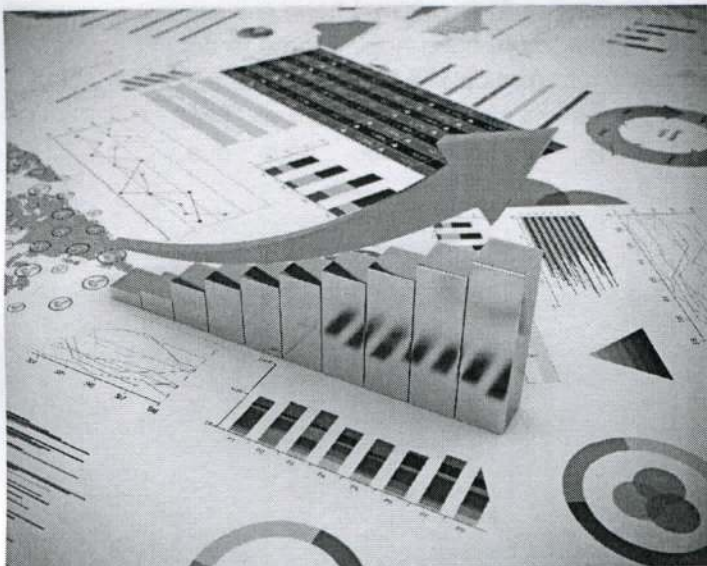
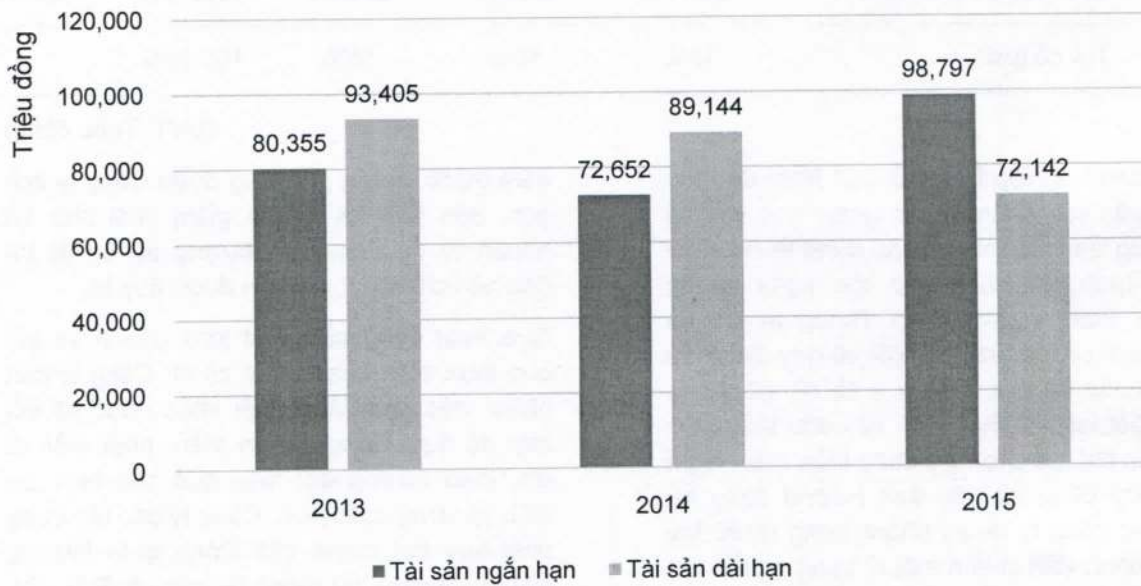
TÌNH HÌNH  
TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/ TH 2014	Tỷ trọng năm 2014	Tỷ trọng năm 2015
Tài sản ngắn hạn	72.652	98.797	135,99%	44,90%	57,80%
Tài sản dài hạn	89.144	72.142	80,93%	55,10%	42,20%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>161.796</b>	<b>170.939</b>	<b>105,65%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

(ĐVT: triệu đồng)

Tình hình tài sản qua các năm



**Tài sản ngắn hạn**

Tài sản ngắn hạn năm 2015 đạt mức 99 tỉ tăng 35,99% so với năm trước, chủ yếu được đóng góp từ phần tăng của chỉ tiêu các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 4% đến 5,3%/năm; các khoản phải thu tăng từ 24 tỉ lên 50 tỉ tăng gấp đôi so với năm 2014 cụ thể các khoản phải thu như sau:

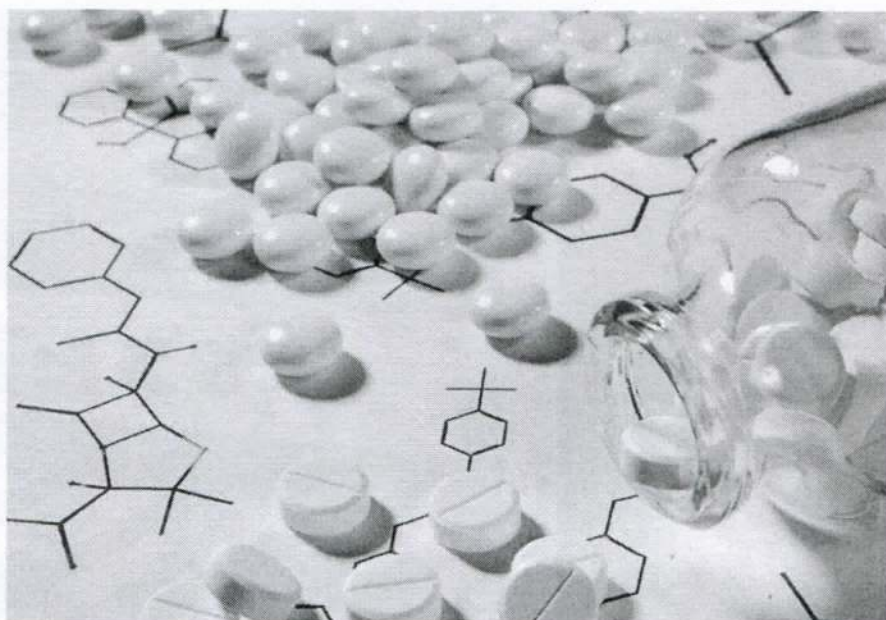
STT	Khách hàng	Giá trị
1	Công ty CP Dược phẩm Quận 10	5.073.305.332
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	5.021.839.872
3	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Dũng	2.656.702.662
4	Các khách hàng khác	14.041.895.194
	<b>Tổng cộng</b>	<b>26.793.743.060</b>

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu hàng tồn kho được Công ty chú trọng cắt giảm từ 33 tỉ xuống 31 tỉ là gặp khó khăn trong vấn đề tiêu thụ do hạn dùng còn ngắn, các sản phẩm chiến lược và quen thuộc của Công ty bị cạnh tranh gay gắt về giá cả, về sức tiêu thụ làm giảm doanh số. Vòng quay hàng tồn kho năm 2014 và năm 2015 lần lượt là 2,23 vòng và 2,37 vòng tương đương khoảng 150 – 165 ngày (5 tháng) làm cho hàng tồn kho của Công ty thêm phần khó khăn trong công tác tiêu thụ và chi phí xử lý. Chi tiết hàng tồn kho như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nguyên liệu, vật liệu	14.637.746.181
2	Công cụ, dụng cụ	71.490.300
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.267.062.537
4	Thành phẩm	11.910.092.835
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.886.391.853</b>

(ĐVT: Đồng)



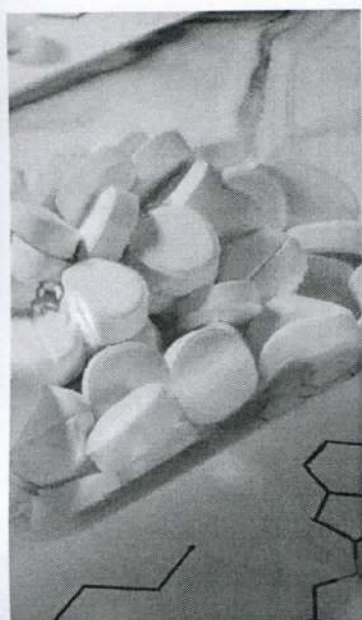
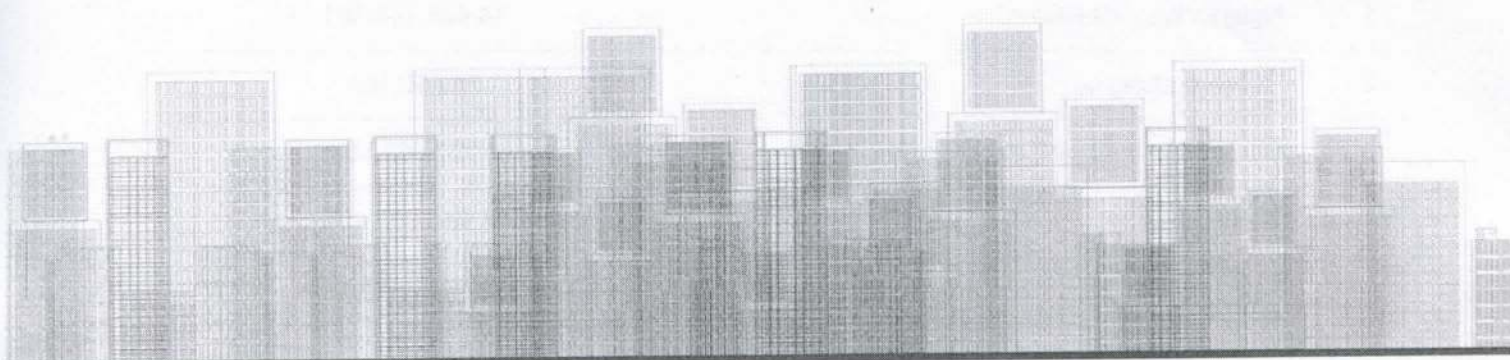
## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn năm 2015 chỉ chiếm 80,93% so với cùng kì năm 2014 là do không còn khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Tình hình tài sản cố định hữu hình năm 2015 như sau:

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>		<b>98.316.105.867</b>	<b>67.367.401.464</b>	<b>30.948.704.403</b>	<b>31,48%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.737.734.547	16.288.570.479	21.449.164.068	56,84%
2	Máy móc thiết bị	50.333.121.025	42.560.153.534	7.772.967.491	15,44%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.406.648.775	3.793.548.944	1.613.099.831	29,84%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.838.601.520	4.725.128.507	113.473.013	2,35%
<b>Tài sản cố định vô hình</b>		<b>5.691.216.091</b>	<b>981.945.802</b>	<b>4.709.270.289</b>	<b>82,75%</b>
1	Quyền sử dụng đất	4.589.050.091	-	4.589.050.091	100,00%
2	Phần mềm máy vi tính	1.102.166.000	981.945.802	120.220.198	10,91%
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.691.216.091</b>	<b>981.945.802</b>	<b>4.709.270.289</b>	<b>82,75%</b>

(ĐVT: Đồng)

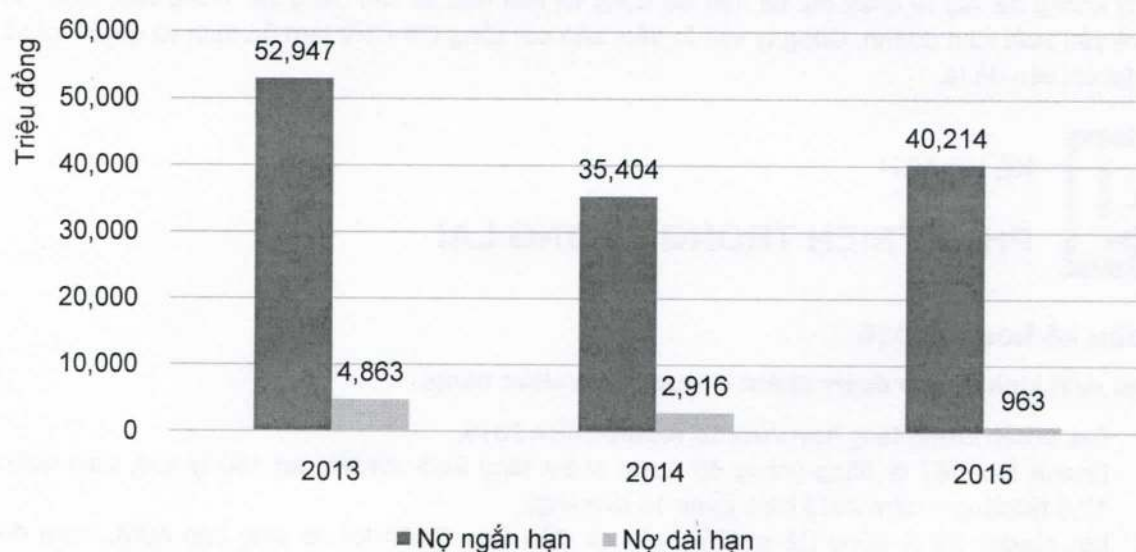


## Tình hình nợ phải trả

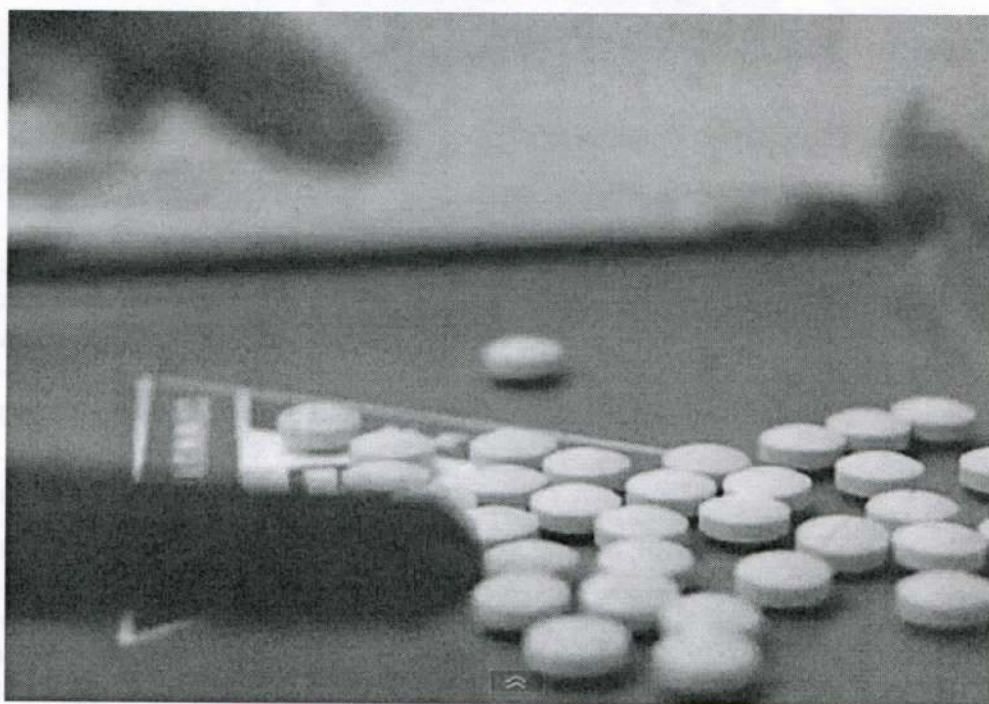
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/ TH 2014	Tỷ trọng năm 2014	Tỷ trọng năm 2015
Nợ ngắn hạn	35.404	40.214	113,58%	92,39%	97,66%
Nợ dài hạn	2.916	963	33,03%	7,61%	2,34%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>38.321</b>	<b>41.177</b>	<b>107,45%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

(ĐVT: Triệu đồng)

## Tình hình nợ phải trả qua các năm



Nợ ngắn hạn luôn chiếm hơn 90% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Nợ ngắn hạn tăng 13,58% so với năm 2014 chủ yếu do các khoản mục người mua trả tiền trước và các khoản phải trả phải nộp khác tăng cao. Công ty chú trọng cho việc chi trả các khoản nợ ngắn hạn, lãi vay để đề phòng rủi ro, giảm gánh nặng chi phí cho Công ty. Các khoản vay đến từ vay cán bộ công nhân viên theo hình thức vay tín chấp, lãi suất 6,2%/năm và điều chỉnh 6 tháng/lần. Ngoài ra, các khoản mục khác vẫn duy trì hoặc thay đổi không



đáng kể.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ

## CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác cung ứng nguyên liệu vật tư tuy chưa được hoàn chỉnh, nhưng có tiến bộ hơn các năm trước, không có tình trạng thừa nhiều hay thiếu hàng cho sản xuất.

Công tác hạch toán đảm bảo tốt, cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn có hiệu quả, công khai minh bạch và không để thất thoát xảy ra.

Công ty không để xảy ra cháy nổ, tai nạn lao động và mất mát tài sản đáng kể. Trong điều kiện khó khăn về sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn lo đảm bảo đời sống CB-CNV tạm ổn định và quyền lợi cổ đông đạt chỉ tiêu đề ra.



KẾ HOẠCH

## PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Chỉ tiêu kế hoạch 2016

Về sản xuất kinh doanh dược phẩm – thực phẩm chức năng:

- Giá trị sản lượng tăng hơn 20% so với thực hiện 2015.
- Doanh thu: 167 tỷ đồng (trong đó dược phẩm tăng 24% trở lên đạt 150 tỷ VNĐ, bình quân 12,5 tỷ/tháng – năm 2013 bình quân 12 tỷ/tháng).
- Lợi nhuận: 30 tỷ đồng (tăng 10%, nếu có điều kiện thuận lợi sẽ tăng cao hơn), trong đó doanh thu từ dược phẩm là 20 tỷ đồng, doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác là 10 tỷ đồng (tăng nộp BHXH năm thêm 1,7 tỷ VNĐ).
- Cổ tức: Trên 18%/năm.
- Thu nhập bình quân đạt: 9 triệu đồng/người/tháng



### Về đầu tư sản phẩm:

Công ty đang nghiên cứu thị trường các sp thuốc mỡ, gel, cream thuốc nhỏ mắt, tai, mũi, họng, dạng nang mềm solfgel và thuốc Đông y, Thực phẩm chức năng.

*Trọng tâm đưa vào danh mục thầu (để cung ứng ETC), các SP có sức thương mại lớn (để cung ứng OTC) và SP đặc trưng riêng của Cty (để thay thế các SP mũi nhọn không được tái cấp SĐK).*

Hoàn thiện từng giai đoạn dự án mở rộng SX nhà máy Q2 để có thêm nhiều dòng sản phẩm, đa dạng hóa danh mục tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm.

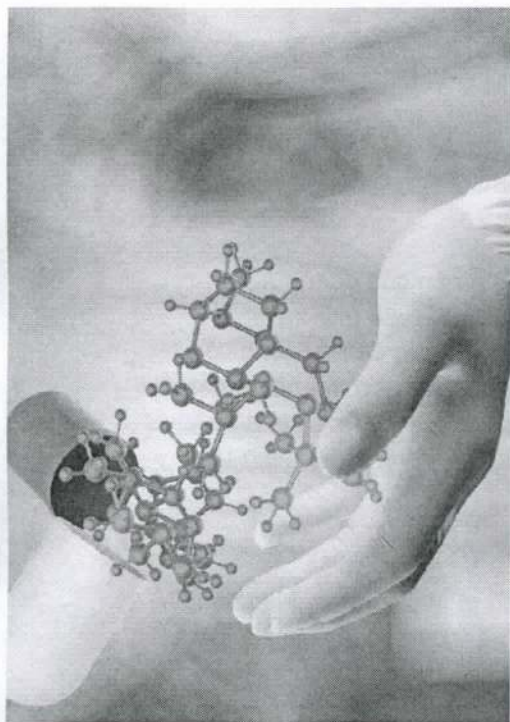


### Về đầu tư thiết bị công nghệ:

Đầu tư công nghệ, máy móc, thiết bị dây chuyền SX: 9, 7 tỷ trong đó: công nghệ, máy móc, thiết bị dây chuyền SX: 7 tỷ đồng. Đáp ứng GMP: 0,7 tỷ đồng, cải tiến mẫu mã bao bì

và tái cơ cấu dòng SP: 2 tỷ đồng.

## Giải pháp thực hiện



- Cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho NLD
- Đầu tư thiết bị NC, SX để tiếp cận Sp công nghệ cao: thường xuyên bảo dưỡng duy tu thiết bị máy móc SX và hệ thống phụ trợ NM và hoàn thiện hệ thống Quản lí chất lượng..để bảo đảm SX phù hợp và đạt chuẩn WHO-GPs.
- Triển khai sản xuất – nâng cấp chất lượng công nghệ các sản phẩm của Cty hiện có và nghiên cứu thêm viên nang mềm, nhỏ tai, mắt, mũi, dược liệu và đông dược, mỹ phẩm để có nhiều sản phẩm mới, mẫu mã đẹp phát triển cả về sản lượng và doanh thu.
- Điều hành kế hoạch SX-KD, triển khai dự án đúng tiến độ và có hiệu quả: giảm chi phí quản lí sản xuất tối thiểu 5%/kế hoạch 2016. Phát triển chất lượng hệ thống Kinh doanh và Sản xuất, đảm bảo cung ứng kịp thời sản phẩm có chất lượng tốt, nhiều mặt hàng mới tăng thêm doanh thu, lợi nhuận.
- Xây dựng các PA giá mềm dẻo phù hợp với thị trường OTC và đấu thầu thuốc phù hợp Thông tư và các quy định mới để có thể trúng thầu nhằm mục tiêu dù có ít lợi nhuận nhưng vẫn bù đắp một phần chi phí SX-KD.
- Tăng cường đầu tư kinh phí cho các hoạt động truyền thông, quảng cáo, thông tin thuốc tới các y bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh và người sử dụng thuốc.

- Quản lý tiết kiệm chi phí: giảm thiểu các yếu tố tăng giá đột biến bất khả kháng, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Phát triển nhóm sản phẩm mới bù đắp doanh thu nhóm SP cũ đã hết Sell life - ngày càng giảm sức cạnh tranh trên thị trường.
- Quản lí an toàn nguồn vốn, dòng tiền và quay nhanh vòng vốn: xử lí công tác kế toán tài chính đúng luật định nhưng bảo đảm linh hoạt, mềm dẻo cho SX – KD và xuất nhập khẩu.
- Xây dựng quan hệ đầu tư (IR) và PR để thu hút cổ đông.
- Năm 2016 là năm có nhiều sự kiện quan trọng của đất nước (Đại hội Đảng CSVN lần thứ XII thành công tốt đẹp đưa đất nước đi lên và thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh), cũng là năm đầu tiên thực hiện Nhiệm kỳ mới HĐQT Cty lần IV (2016-2020) và kỷ niệm 40 năm ngày thành lập CTCP Dược phẩm 2-9. Ban điều hành, tập thể NLD Cty sẽ chung tay, chung sức đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, chủ động, sáng tạo bám sát Nghị quyết của HĐQT để quán triệt, chỉ đạo Cán bộ Quản lí từng Phòng, ban, phân xưởng xây dựng chương trình hành động cụ thể năm 2016, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Cty.



- Đồng thời, kêu gọi toàn thể cán bộ, đoàn viên Công đoàn NLD đoàn kết, đồng lòng, vượt qua mọi khó khăn thách thức để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của HĐQT giao cho năm 2016 và những năm tiếp theo.



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến môi trường

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của doanh nghiệp, và hơn nữa là sự sống còn của doanh nghiệp: Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của doanh nghiệp, mà còn ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể phát triển một cách bền vững. Với bối cảnh như vậy, Công ty luôn xem trọng song song với việc sản xuất kinh doanh là bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi những biện pháp bảo vệ môi trường nâng tầm Công ty lên hơn nữa.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là động lực phát triển của Công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của Công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

- Nhân viên, người lao động được hưởng các chính sách tốt nhất của Công ty; được đảm bảo những quyền lợi cho người lao động; được nghỉ phép, nghỉ lễ đúng quy định. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đi du lịch, các hoạt động tập thể giúp nhân viên, người lao động được nghỉ ngơi, thoải mái sau những giờ làm việc căng thẳng, lấy lại tinh thần cho những ngày làm việc đầy hiệu quả và năng suất cao.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ người lao động được hưởng theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể Công ty quy định. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; có chính sách hỗ trợ cho những trường hợp khó khăn; quan tâm Công ty đã chú trọng việc đào tạo và tái đào tạo liên tục đội ngũ trẻ để kế thừa, đẩy mạnh các hoạt động về đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng về GMP – GLP – GSP – GDP, các kỹ năng về quản lý, kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ.

**Tưng Bưng Giải Bóng Đá Tứ Hùng**

Chào mừng kỷ niệm 125 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/05/2015

Chào mừng kỷ niệm 125 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và chào mừng Đại Hội Đảng các cấp, ngày 23/05/2015, Đoàn thành niên Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP Hồ Chí Minh - **NADOPHAR** đã tổ chức Giải Bóng Đá Tứ Hùng Cup 19/5 tại sân bóng đá Volefone City Quận Tân Phú với sự tham gia của bốn đội trong cụm sản xuất của Công ty Dược Sài Gòn gồm:

- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP HCM - **NADOPHAR**
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3-2 P.T. Pharma
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmadoc
- Công ty Roswell Việt Nam

Không chỉ khuyến khích việc rèn luyện thân thể mà còn tạo điều kiện để giao lưu chia sẻ, thắt chặt tình thân đồng đội giữa các cán bộ, nhân viên các phòng ban Công ty **NADOPHAR** với nhau cũng như tạo điều kiện giao lưu với các đơn vị Công ty bạn.

Giải bóng đá Chào mừng kỷ niệm 125 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức khép lại thành công rực rỡ, Ban tổ chức đã trao thưởng cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích cao:

- Cúp vô địch: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP HCM - **NADOPHAR**
- Giải nhì: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Pharmadoc
- Giải ba: Công ty Roswell Việt Nam
- Giải phong cách: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3-2 P.T. Pharma
- Giải vua phá lưới: Cầu thủ Bùi Như Huy - Công ty **NADOPHAR**



- Đào tạo CNV mới tuyển: Sau khi tuyển dụng, công nhân viên mới tuyển đều được đào tạo để nắm





được các yêu cầu cơ bản về: quá trình hình thành Công ty, cơ cấu hoạt động Công ty, mục tiêu cũng như những quy định trong sản xuất và tác nghiệp.

Đào tạo hàng năm: Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty về năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ bằng các khóa chuyên đề, huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp bên ngoài. Trong năm 2015 Công ty đã gửi đi tập huấn các lớp: Giám đốc Nhân sự, thuế thu nhập cá nhân, các thực hành GPs, nghiệp vụ đấu thầu, chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuốc, marketing du kích vv...

Công ty thực hiện việc tổ chức các lớp học nâng bậc tay nghề cho CNSX khi đến hạn nâng lương nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho Công nhân.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

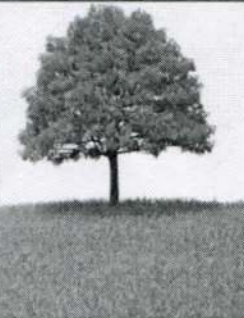
Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cấp sách đến trường. NADYPHAR là một công ty có chuyên môn về chăm sóc sức khỏe con người nên việc góp một phần nhỏ vào việc hỗ trợ cho người nghèo, trẻ em, bệnh tật có hoàn cảnh khó khăn là một việc vô cùng ý nghĩa. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp cũng là một sự đầu tư của Doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,... tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với Công ty.

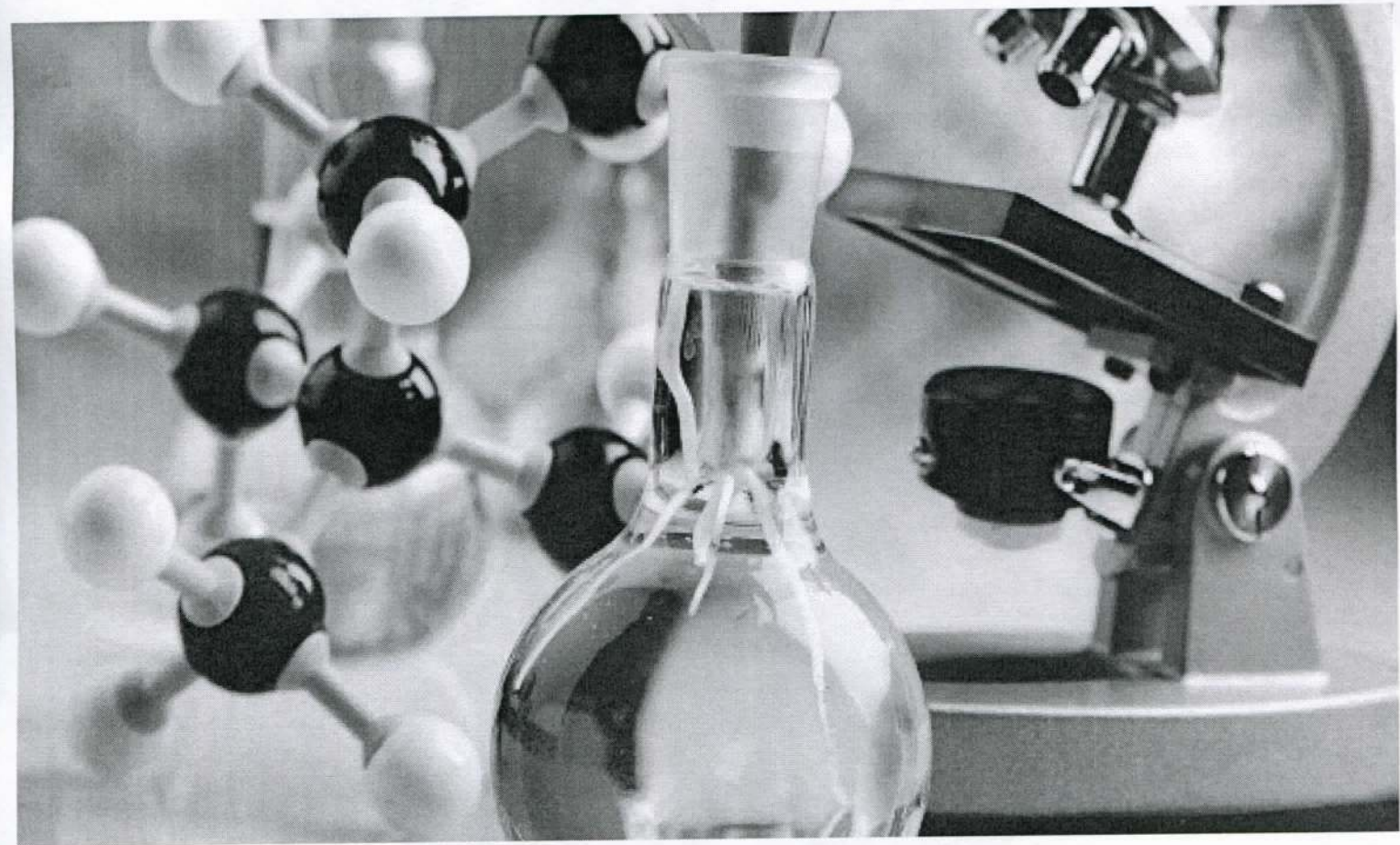
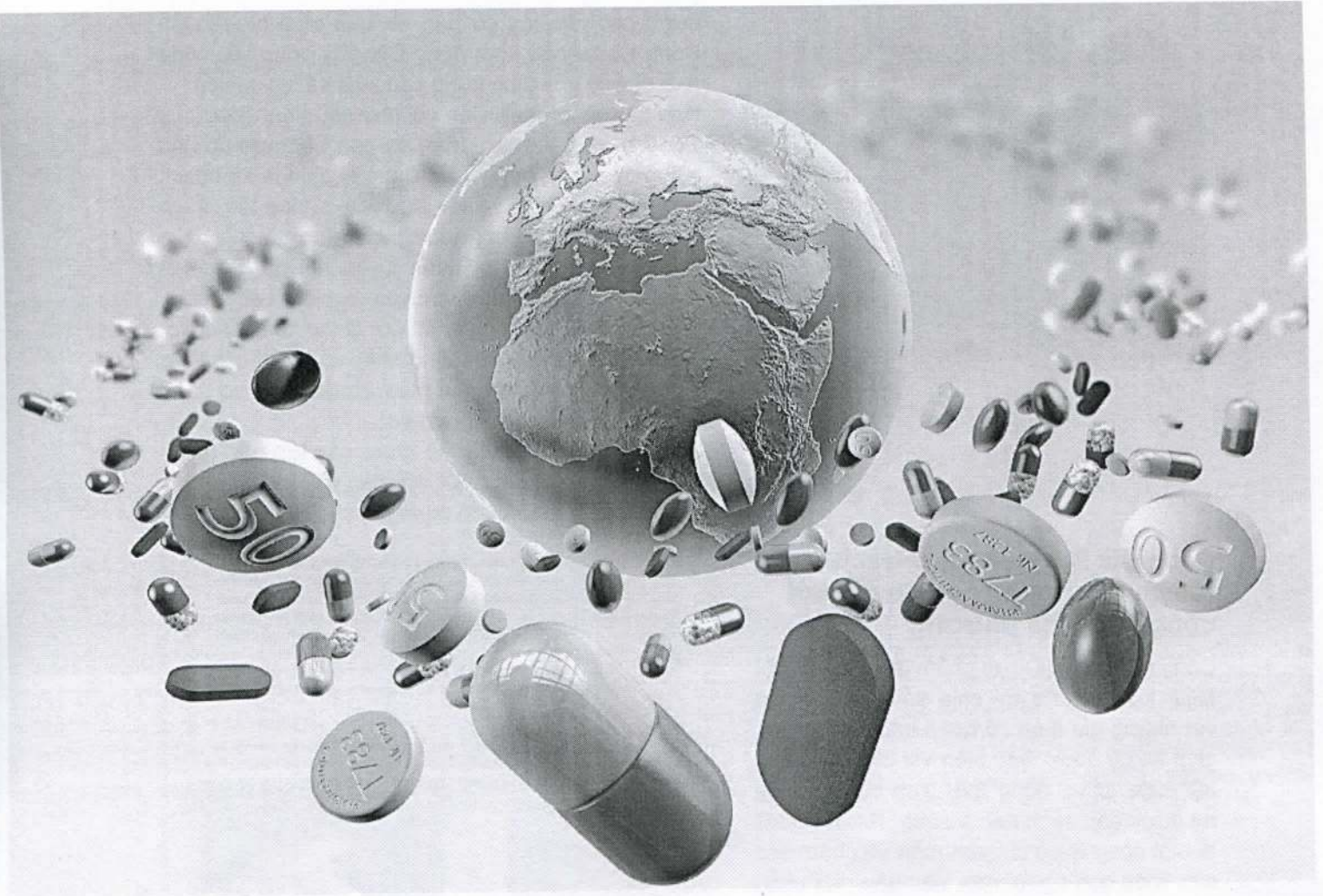
#### NADYPHAR đồng hành cùng Chương trình "Vì dân em thân yêu"

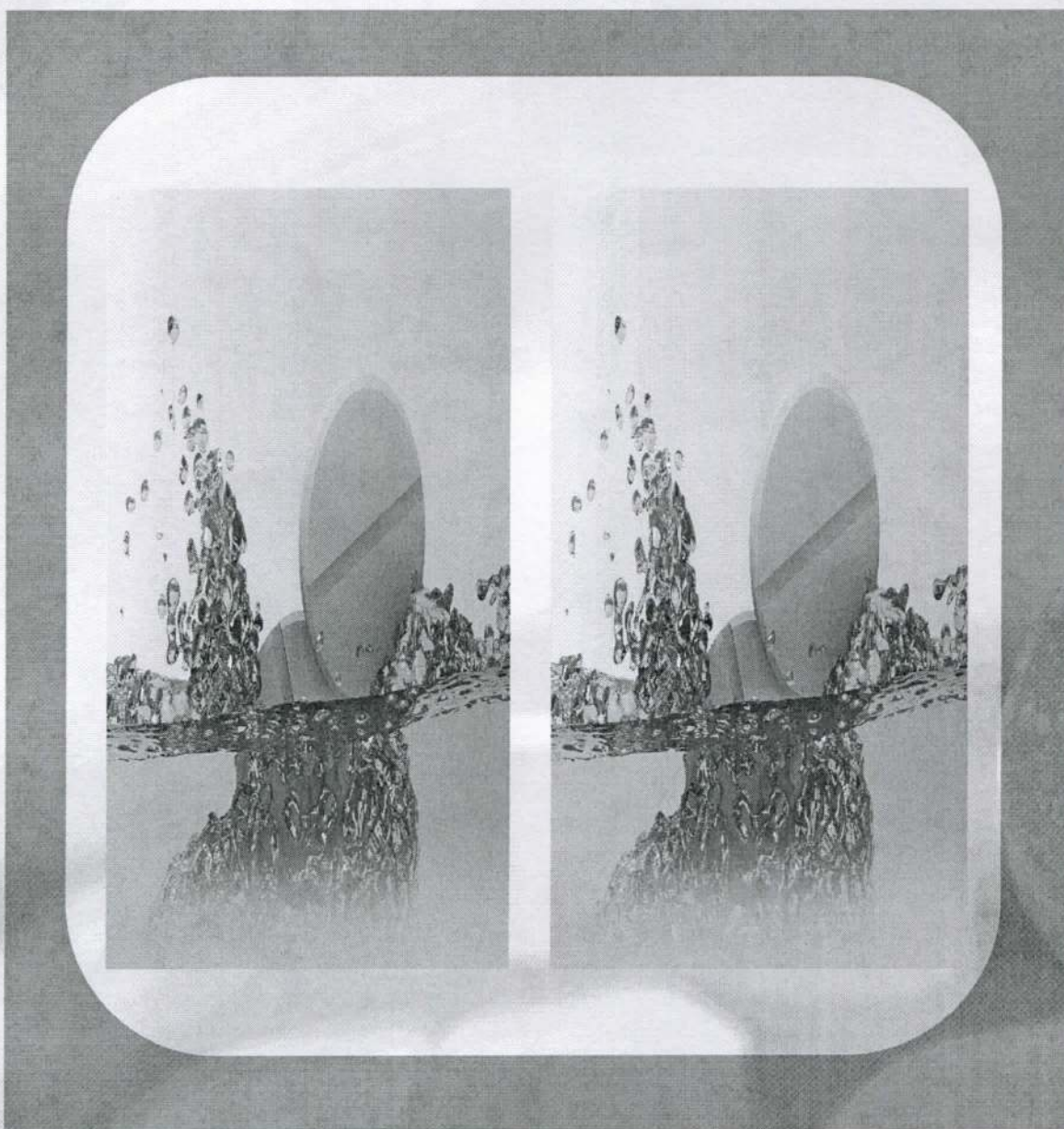
Chào mừng Ngày Quốc Tế Thiếu Nhi 01/06/2015, Đoàn thanh niên Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP HCM - NADYPHAR đã cùng phối hợp với Câu Lạc Bộ Y Bác Sĩ Tình Nguyễn Sài Gòn tổ chức thực hiện Chương trình "Vì Dân Em Thân Yêu" tại Mái Ấm Thành Tâm, địa chỉ: Số 57/3 Tổ 11, Ấp Trung Mỹ Tây, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn, TPHCM.

Chương trình "Vì Dân em Thân Yêu" đã khám bệnh, phát thuốc không phí và tặng quà cho 43 trẻ em khuyết tật và mẹ cô được nuôi dưỡng tại mái ấm độ tuổi từ 2 tháng đến 15 tuổi được nuôi dưỡng tại Mái Ấm Thành Tâm.

Đây là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc và nhiều ý nghĩa, thể hiện truyền thống của công ty NADYPHAR là luôn hướng về cộng đồng, cũng là dịp để các bạn trẻ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TPHCM được tham gia các hoạt động xã hội và thể hiện tình thân xung kích vì an sinh xã hội và cộng đồng









## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị



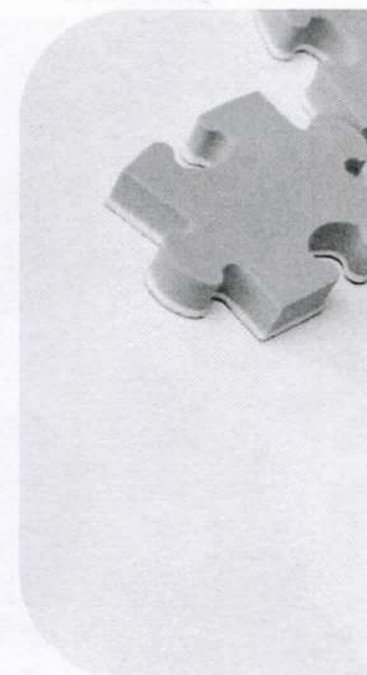
## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ

## CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2015 là năm cuối của nhiệm kỳ 5 năm, nhiệm kỳ III của Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 Tp Hồ Chí Minh (2011-2015), tình hình kinh tế thế giới đang ở thời kỳ bất ổn, kinh tế Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập.

Thị trường thuốc Việt hàng năm cung cấp khoảng 50% nhu cầu hơn 3 tỷ USD cả nước. Chi tiêu thuốc bình quân đầu người Việt Nam hiện nay quanh mức 35 – 37 USD/năm vẫn ở mức thấp so với nhiều nước lân cận như Thái Lan (60 USD người/năm), Trung Quốc (100 USD người/năm). Với tốc độ phát triển kinh tế và nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng cao thì trong 5 năm tới giá trị thị trường dược phẩm Việt Nam có thể đạt mức 8 tỷ USD. Đến nay Việt Nam vẫn nằm trong top đầu thế giới về tăng trưởng chi tiêu cho dược phẩm. Rõ ràng tiềm năng của ngành dược phẩm là còn rất lớn và việc thông qua hiệp định TPP đã có thêm nhiều cơ hội và thách thức cho ngành dược trong những năm tới.

Đối với ngành Dược và Công ty thách thức nhiều hơn là thuận lợi trong giai đoạn sắp tới. Đặc điểm riêng đối với Công ty là thời kỳ chuyển tiếp giữa nhiệm kỳ cũ và nhiệm kỳ mới. Giữa các thành viên HĐQT- Ban TGD cũ, cơ cấu tổ chức nhân sự cũ và mới, chắc chắn sẽ có nhiều khó khăn bước đầu.



STT	Mã CK	Tên Công ty	Doanh thu 2015	Lợi nhuận 2015	Vốn góp 2015
1	CNC	Công nghệ cao Traphaco	323.145	34.267	132.006
2	NDC	Dược phẩm Nam Dược	215.742	12.932	122.284
3	NDP	Dược phẩm 2-9	130.919	21.714	129.762
4	DDN	Dược - TB Y tế Đà Nẵng	1.833.380	16.072	99.830
5	BCP	Dược Becamex	72.713	1.110	51.338
6	AGP	Dược phẩm AGIMEXPHARM	411.954	13.417	92.615
7	MEF	MEINFA	268.793	20.164	76.334
8	MTP	Dược Medipharco - Tenamyd	801.081	4.480	43.430
9	DPP	Dược Đồng Nai	169.709	3.478	29.514
10	DBM	BAMEPHARM	296.092	6.603	46.892

(ĐVT: Triệu đồng)

Với nhiều đơn vị cũng đang hoạt động trong ngành và đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM như trên có những thế mạnh và thuận lợi nhất định tạo ra những cạnh tranh đòi hỏi NADYPHAR luôn phấn đấu phát triển, nghiên cứu tạo ra nhiều mặt hàng chất lượng hơn nữa. Đây cũng là tham khảo để Công ty có hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian sắp tới.



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát Tổng Giám Đốc thông qua việc báo cáo của Tổng Giám Đốc trong các cuộc họp của HĐQT hàng quý hoặc báo cáo theo yêu cầu của HĐQT.
- Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị thực hiện giám sát Tổng Giám Đốc và các hoạt động của Công Ty thông qua chức năng nhiệm vụ của các Thành viên Hội Đồng Quản Trị trong hoạt động hàng ngày, hàng quý của Công Ty.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2015, chi trả tiền cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức 6 tháng đầu năm 2015.
- Giám sát việc triển khai các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ đã được HĐQT thông qua.
- Cử Thành viên HĐQT tham gia vào Ban Tổng Giám Đốc để kịp thời nắm bắt thông tin, cùng Tổng Giám Đốc thực hiện việc điều hành Công Ty đồng thời giám sát hoạt động của TGD.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

Nhìn chung trong năm qua, Hội Đồng Quản Trị đã cố gắng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo, định hướng, thường xuyên kiểm tra giám sát và họp định kỳ cũng như họp bất thường, cùng với ban Tổng Giám Đốc giải quyết các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, mặc dù trong năm còn những hạn chế yếu kém nhất định, nhưng Công ty đã nỗ lực, nhưng đạt được những kết quả không như mong muốn, Ban Tổng Giám Đốc đã có những cố gắng nhất định nhưng cần quyết tâm cao và đủ mạnh hơn nữa, nhằm đưa ra những chính sách giúp cải thiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đi đúng trọng tâm và có những giải pháp thật sự hữu hiệu để khắc phục các mặt hạn chế.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công tác tổ chức nhân sự: Sau đại hội cổ đông nhiệm kỳ IV, Công ty tiến hành khẩn trương công tác nhân sự, đổi mới công tác cán bộ, tập trung ưu tiên sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ có năng lực ở các khâu trọng yếu: nghiên cứu phát triển và kinh doanh tiếp thị, đồng thời quan tâm đồng bộ và có chính sách hợp lý đối với toàn thể đội ngũ CB-CNV, trước hết là ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ chủ chốt các phòng ban, phân xưởng, ưu tiên sử dụng cán bộ giỏi có tâm huyết đóng góp xây dựng Công ty.

Trong quý I, đầu quý II/2016, chuẩn bị chu đáo và tổ chức tốt, thành công Đại hội cổ đông nhiệm kỳ IV, làm đà để Công ty phát triển tốt đẹp trong thời gian tới.

Công tác bổ nhiệm cán bộ cần phải đặt ra và tuân thủ theo tiêu chuẩn rõ ràng, đồng thời bổ nhiệm theo thời gian nhất định từ 1 đến 2 năm, nhằm tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn và trách nhiệm cao với công việc và với Công ty, kể cả Ban Tổng Giám Đốc.

Bố trí sắp xếp lao động hợp lý để giảm quỹ lương và tăng thu nhập cho người lao động, chú trọng sản xuất đủ hàng, không thừa, không thiếu.

Công tác kinh doanh cần tổ chức lại trên cơ sở tinh giản và hiệu quả cao, áp dụng tiến bộ mới trong quản lý và khoán doanh số, cần làm tốt mạng lưới tiêu thụ, công tác chăm sóc

khách hàng và đề xuất chính sách giá hợp lý, đồng thời phát huy công tác xuất nhập khẩu, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Công tác tài chính – hạch toán kinh doanh, cần tiếp tục làm tốt, kịp thời, chính xác, công khai minh bạch, đồng thời quản lý tốt nguồn vốn, góp phần nêu cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác điều hành của ban Tổng Giám Đốc cần sâu sát, năng động, sáng tạo và trách nhiệm cao, giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc, các hạn chế yếu kém đưa Công ty ngày càng ổn định và phát triển đi lên, đạt hiệu quả kinh tế cao, cần quan tâm đến chế độ hội họp giao ban hàng tháng các cán bộ quản lý để kịp thời chấn chỉnh và chỉ đạo, nhằm rút kinh nghiệm kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.





## Hội đồng quản trị nhất trí thông qua một số nội dung

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 (Biểu quyết 7/7).

Thông qua việc bổ sung quỹ lương năm 2015 từ hoạt động cho thuê mặt bằng như sau: 20% X (Doanh thu cho thuê mặt bằng – giá vốn không lương), tỷ lệ biểu quyết 7/7.

Thông qua bản phân phối lợi nhuận năm 2015 (tỷ lệ biểu quyết 7/7) như sau:

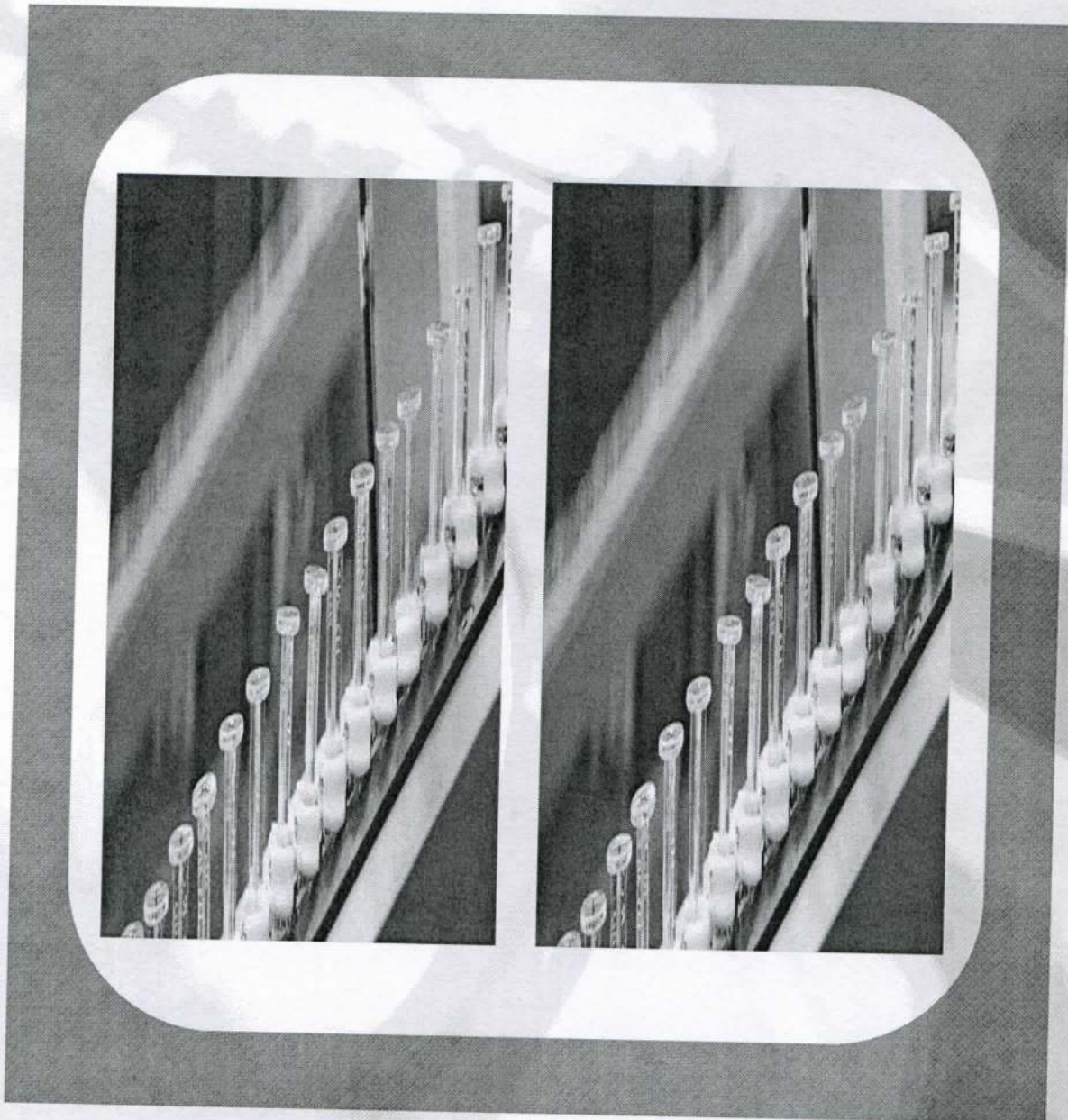
Trích quỹ Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển: 20%
- Quỹ khen thưởng: 15%
- Quỹ Phúc lợi: 5%
- Quỹ thù lao Hội Đồng Quản Trị: 5%

Trả cổ tức cho cổ đông: Chi trả cổ tức 2015 là 18% (Trên vốn điều lệ 55,5 tỷ đồng).









## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Giới thiệu Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



GIỚI THIỆU

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị****Danh sách thành viên HĐQT**

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Chu Mai Hào	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
2	Ông Cáp Hữu Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Bà Trương Thị Thái Hoà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
5	Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
6	Ông Cao Tứ Tài	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
7	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

**Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị****Ông Chu Mai Hào - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Chu Mai Hào**
  - Ngày tháng năm sinh: 20/10/1945
  - Giới tính: Nam
  - Số CMND: 020177140 do Công an Tp.HCM cấp ngày 23/10/2003
  - Dân tộc: Kinh
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Quê quán: Hà Nội
  - Địa chỉ thường trú: 123/1 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp.HCM
  - Quá trình công tác:
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.38687347-105
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại Học Chuyên khoa 2
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh – TV điều hành
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
Tháng 9 đến tháng 12/1970	Chiến sĩ - Huấn luyện tại Trường 105 (chiến trường B2 Nam bộ)
Tháng 1/1971 đến Tháng 4/1975	Cán bộ - Phó Phòng nghiên cứu dược liệu C1-C15 Trung Ương Cục Miền Nam Ban Dân y R.
30/04/1975	Tổ trưởng Tổ quân quản các VBC Ban Quân quản y tế xã hội
Từ năm 1976 đến năm 2000	Phó Giám Đốc Kỹ thuật Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 – Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh
Từ năm 2001 đến năm 2007	Chủ Tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh
Từ năm 2007 đến nay	Chủ Tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần nắm giữ: – 1,31%
  - Sở hữu cá nhân: 72.769 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:
  - Chu Lương Hạnh (Con ruột), sở hữu 5.000 cổ phần, tỷ lệ 0,09%
  - Chu Lương Hiếu (Con ruột), sở hữu 5.475 cổ phần, tỷ lệ 0,10%

**Ông Cáp Hữu Ánh -**

**Hội đồng quản trị**

Xem phần Tổ chức và nhân sự - Danh sách Ban điều hành

**Bà Trương Thị Thái Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị**

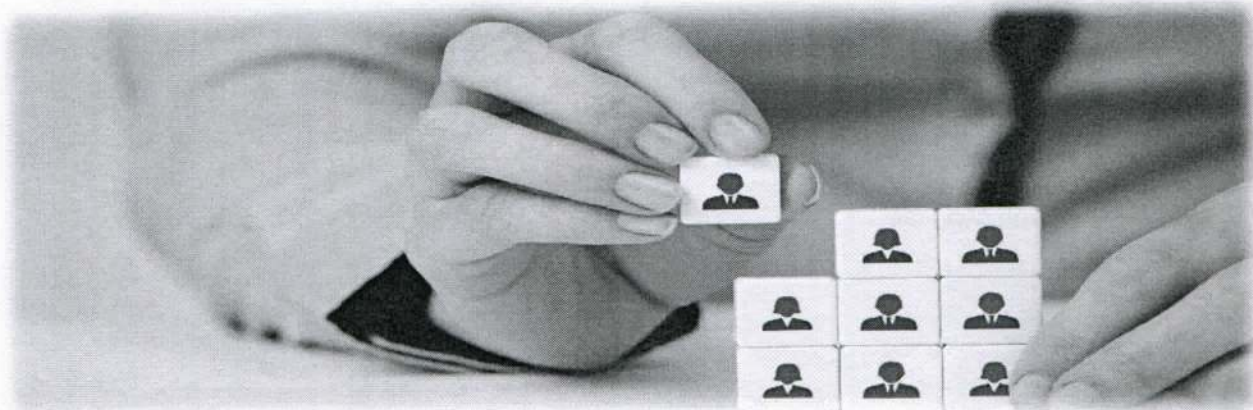
Xem phần Tổ chức và nhân sự - Danh sách Ban điều hành

**Bà Trịnh Bích Dung - Thành viên Hội đồng quản trị**

Xem phần Tổ chức và nhân sự - Danh sách Ban điều hành

**Ông Bùi Ngọc Thắng - Thành viên Hội đồng quản trị**

Xem phần Tổ chức và nhân sự - Danh sách Ban điều hành



**Ông Cao Tứ Tài - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Cao Tứ Tài**
  - Ngày tháng năm sinh: 13/10/1955
  - Giới tính: Nam
  - Số CMND: 021776965 do Công an Tp.HCM cấp ngày 17/06/2015
  - Dân tộc: Kinh
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Quê quán: Xã An Thạnh, Mỏ Cày, Bến Tre
  - Địa chỉ thường trú: 47/48 Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
  - Quá trình công tác:
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913914235
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại Học
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - TV không điều hành
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
1975 - 1980	Sinh viên Học tại Khoa Dược Trường Đại Học Y Dược Tp.Hồ Chí Minh
12/1980 - 04/1983	Dược sĩ - Thượng sĩ Viện Quân Y 7A
05/1983 - 09/1985	Dược sĩ Xí nghiệp Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
09/1985 - 05/1993	Phó Phòng Liên hiệp Xí nghiệp Dược phẩm Dược liệu Tp. Hồ Chí Minh
1993 - 2000	Trưởng Phòng Kế Hoạch Cung Ứng - Xí nghiệp Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
2001 - 2006	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2001-2005) Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
2007 - 2011	Tổng Giám đốc - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM
2011 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 48.872 cổ phần – tỷ lệ 0,88%
  - Sở hữu cá nhân: 48.872 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



## QUẢN TRỊ CÔNG TY



### Ông Nguyễn An Giang - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn An Giang**
- Ngày tháng năm sinh: 26/03/1980
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 024969386 do Công an Tp.HCM cấp ngày 16/03/2009
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Quảng Xương – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 77/77B Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Quá trình công tác:

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0939888666
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - TV độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Sài Gòn

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
1999 - 2003	Sinh viên Học viện hành chính Hà Nội
2003 - 2006	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải- Chi nhánh Sở Giao Dịch
2006 - 2008	Trưởng Phòng Kinh Doanh Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hải Phòng
2008 - 2014	Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Chợ Lớn
2014 đến nay	Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn
2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 Tp.HCM

- 10,02%

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 555.958 cổ phần, đại diện cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

**Hoạt động của Hội đồng quản trị****Các cuộc họp hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Chu Mai Hào	Chủ tịch	6/6	100%	
2	Ông Cáp Hữu Ánh	Phó Chủ tịch	6/6	100%	
3	Bà Trương Thị Thái Hoà	Thành viên	2/6	33,3%	Bận việc gia đình
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên	6/6	100%	
5	Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên	6/6	100%	
6	Ông Cao Tứ Tài	Thành viên	6/6	100%	
7	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên	6/6	100%	





**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội Đồng Quản trị**

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	38/HĐQTNKIII	26/01/2015	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, phương hướng các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2015.
2	171/NQHDQTNKIII	08/04/2015	Sơ kết quý I/2015, Công tác chuẩn bị tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2015.
3	278/NQHĐQTNKIII	19/06/2015	Chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại dự án 136 Lý Chính Thắng quận 3.
4	285/NQHĐQTNKIII	03/06/2015	Chuyển nhượng phần vốn góp và quyền khai thác dự án 136 Lý Chính Thắng quận 3.
5	316/NQHĐQTNKIII	02/07/2015	Sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015, phương hướng sản xuất kinh doanh quý III và 6 tháng cuối năm 2015.
6	387CV-HĐQT	03/09/2015	Thông qua việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Sàn UPCOM).
7	486/NQHĐQTNKIII	22/01/2015	Sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 tháng cuối năm, dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.
8	D1164/15QĐ_NDP	23/11/2015	Bổ nhiệm Giám đốc Kinh doanh và Marketing Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM.
9	D1163/15QĐ_NDP	23/11/2015	Bổ nhiệm Phó TGD-phụ trách Nhà Máy kiểm Giám Đốc sản xuất.
10	D1165/15QĐ_NDP	23/11/2015	Bổ nhiệm Giám Đốc chất lượng kiêm trưởng phòng kiểm tra chất lượng.
11	D1166/15QĐ_NDP	23/11/2015	Điều chuyển Ông Trần Hoàng Nam giám đốc sản xuất kiêm quản đốc phân xưởng giữ chức vụ Trưởng phòng kho.

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2015, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.





GIỚI THIỆU

**BAN KIỂM SOÁT****Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Trưởng BKS
2	Phạm Thị Hoàng	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thế Phong	Thành viên BKS

**Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát****Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền Trâm**
- Ngày tháng năm sinh: 16/6/1975
- Giới tính: Nữ
- Nơi Sinh: Nghệ An
- Số CMND: 2452934 do Công an Tp.HCM cấp ngày 28/3/26
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Xuân Lam, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
- Quá trình công tác:
  - Địa chỉ thường trú: 26B3.2 Cư xá Điện Lực, Phường Bình An, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh
  - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 8.394388
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế TP.HCM – chuyên ngành Tài chính kế toán
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1997 - 9/1998	Công ty TNHH Nhật Minh Anh	Nhân viên kế toán
1/1998 - 1/2001	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Nhân viên kế toán
1/1/2001 đến nay	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Phó Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán
5/211 - 5/213	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Thành viên Ban kiểm soát
5/213 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 500 cổ phần – tỷ lệ: 0,01%
  - Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



**Bà Phạm Thị Hoàng - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Phạm Thị Hoàng**
- Ngày tháng năm sinh: 4/9/1953
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 289587 do Công an Tp.HCM cấp ngày 9/7/29
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Quảng Nam
- Quá trình công tác:

- Địa chỉ thường trú: 121 Nguyễn Hồng, Phường 1, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1976 - 2006	Sở Tài Chính Tp.Hồ Chí Minh	Chuyên viên
2006 đến 2011	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (26-211)
2009 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Trưởng Ban kiểm soát
2009 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 16.087 - : 0,29%
  - Sở hữu cá nhân: 16.087 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

**Ông Nguyễn Thế Phong - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Nguyễn Thế Phong**
- Ngày tháng năm sinh: 4/9/1979
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 211848767, cấp ngày 2/2/22 – CA Bình Định
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bình Định

- Địa chỉ thường trú: Căn hộ B1.12.4 Chung Cư 4S Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sao Phúc An; Thành viên BKS Công ty cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic.



- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 - 2002	Trường Đại học nông lâm Tp.HCM	Sinh viên
2003 - 2005	Công ty nông thủy sản 2	Nhân viên kế toán
2005 - 2013	Công ty TNHH G.B	Kế Toán Trưởng
2013 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Thành viên Ban kiểm soát
1/2014 đến nay	Công ty TNHH Sao Phúc An	Kế Toán Trưởng
4/2014 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.500 cổ phần – tỷ lệ: 0,05%

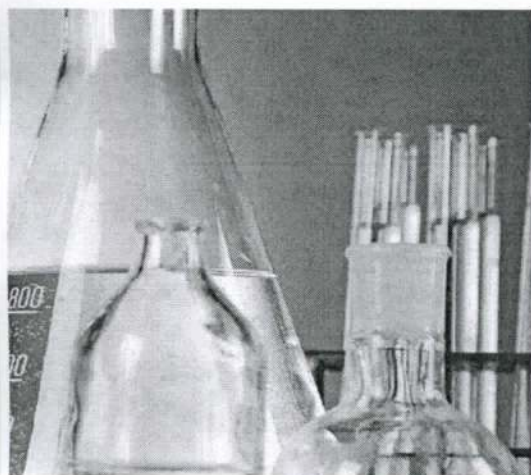
+ Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

#### Hoạt động của Ban kiểm soát

Không có.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Họ và tên	Thù lao/Lương	Thưởng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>1.786.541.121</b>	<b>837.373.000</b>
1	Ông Chu Mai Hào	371.098.091	271.713.000
2	Ông Cáp Hữu Ánh	431.890.045	144.053.000
3	Bà Trương Thị Thái Hòa	156.764.460	109.119.000
4	Bà Trịnh Bích Dung	385.974.545	127.287.000
5	Ông Bùi Ngọc Thắng	344.813.980	125.201.000
6	Ông Cao Tứ Tài	48.000.000	40.000.000
7	Ông Nguyễn An Giang	48.000.000	20.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>132.000.000</b>	<b>106.000.000</b>
1	Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm	48.000.000	39.000.000
2	Bà Phạm Thị Hoàng	42.000.000	35.000.000
3	Ông Nguyễn Thế Phong	42.000.000	32.000.000
<b>III</b>	<b>Ban Giám đốc (*)</b>	<b>1.319.443.030</b>	<b>505.660.000</b>
1	Ông Cáp Hữu Ánh	431.890.045	144.053.000
2	Bà Trương Thị Thái Hòa	156.764.460	109.119.000
3	Bà Trịnh Bích Dung	385.974.545	127.287.000
4	Ông Bùi Ngọc Thắng	344.813.980	125.201.000

(\*) Đã tính trong phần Thù lao và Thưởng của Hội đồng quản trị

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Người nội bộ	Chức vụ	Số lượng CP trước giao dịch	Lý do	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Cáp Hữu Ánh	Tổng Giám đốc	83.725	Mua	103.725	03/07/2015

## Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

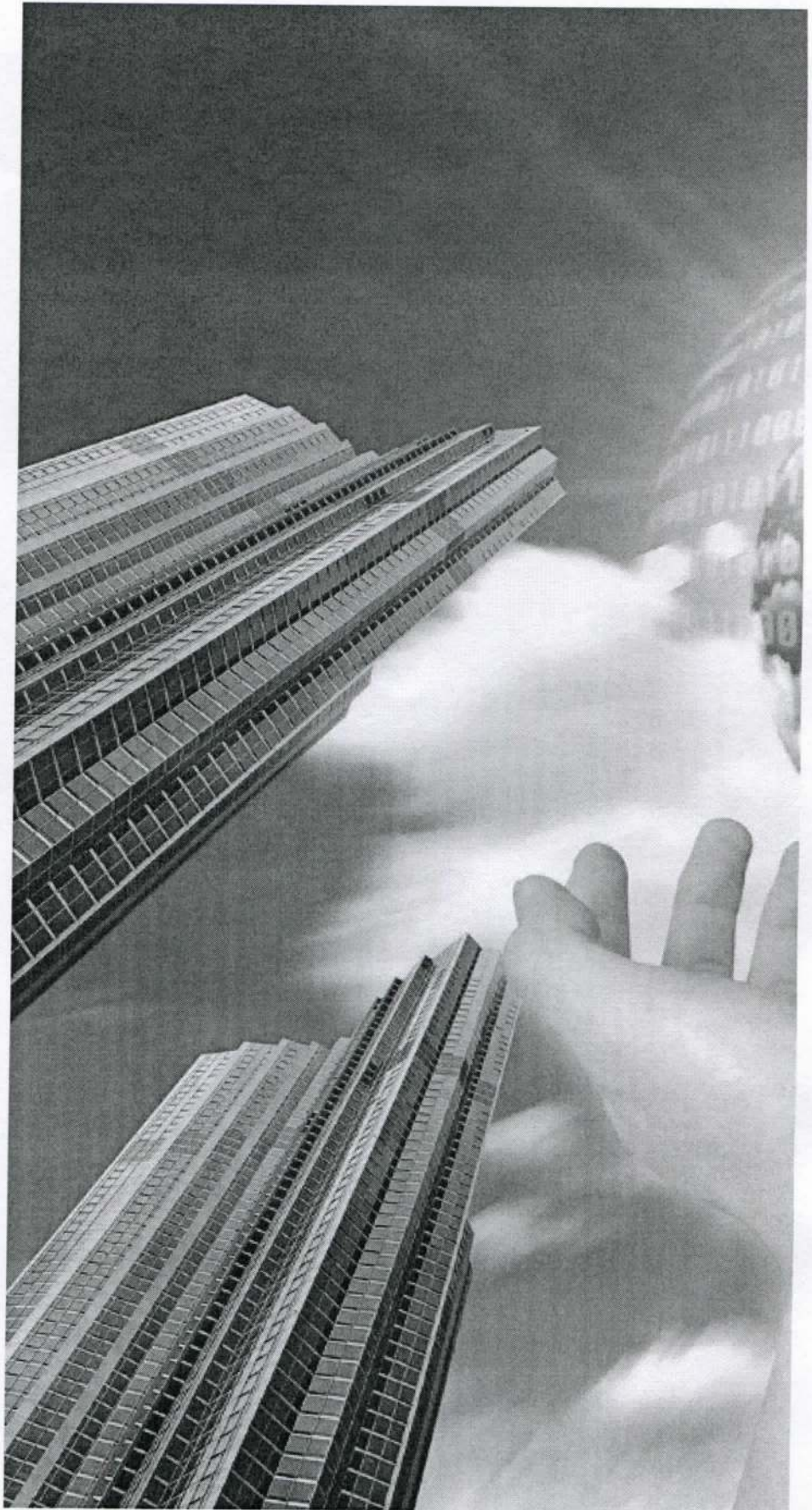
Không có.

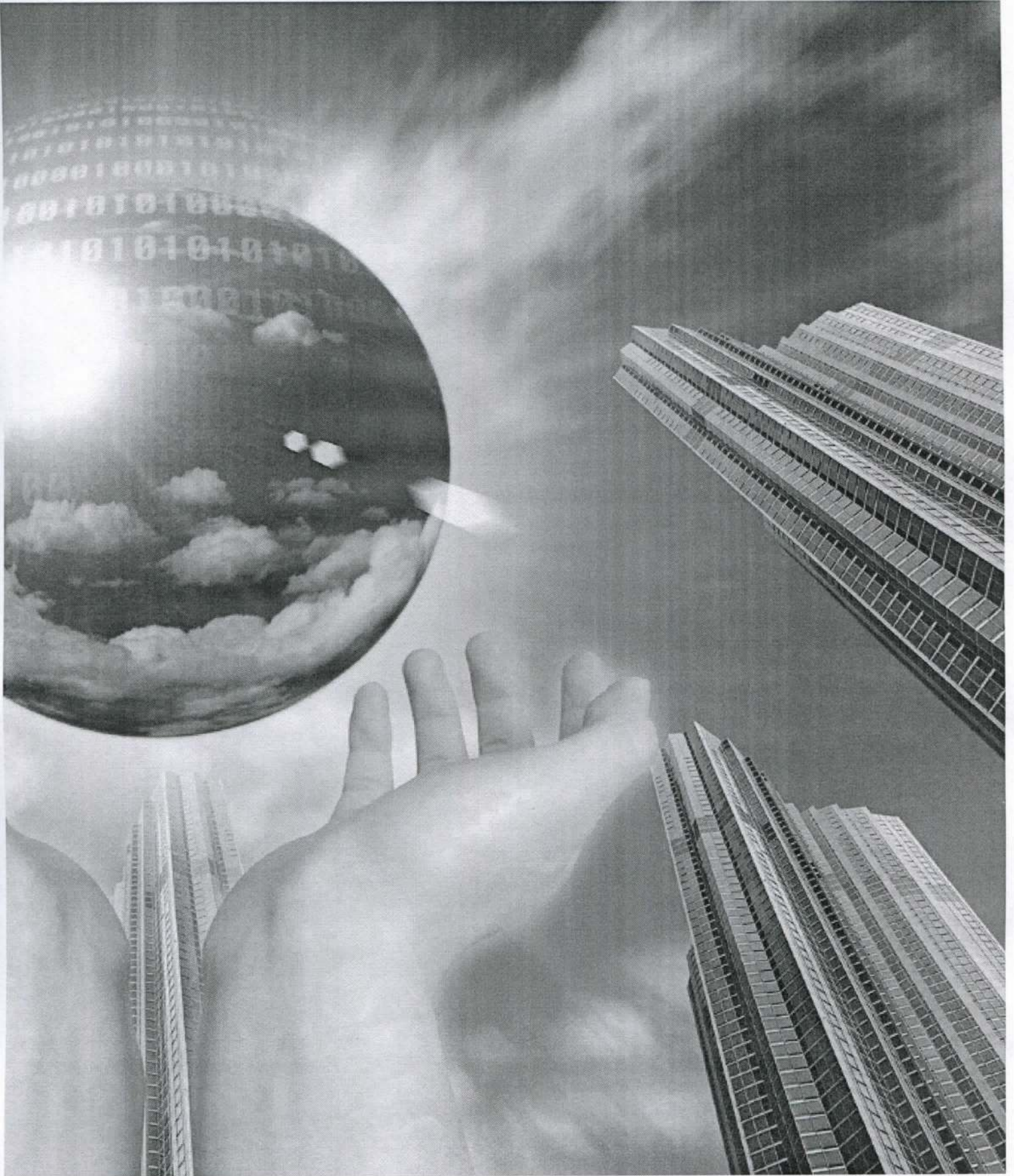
## Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

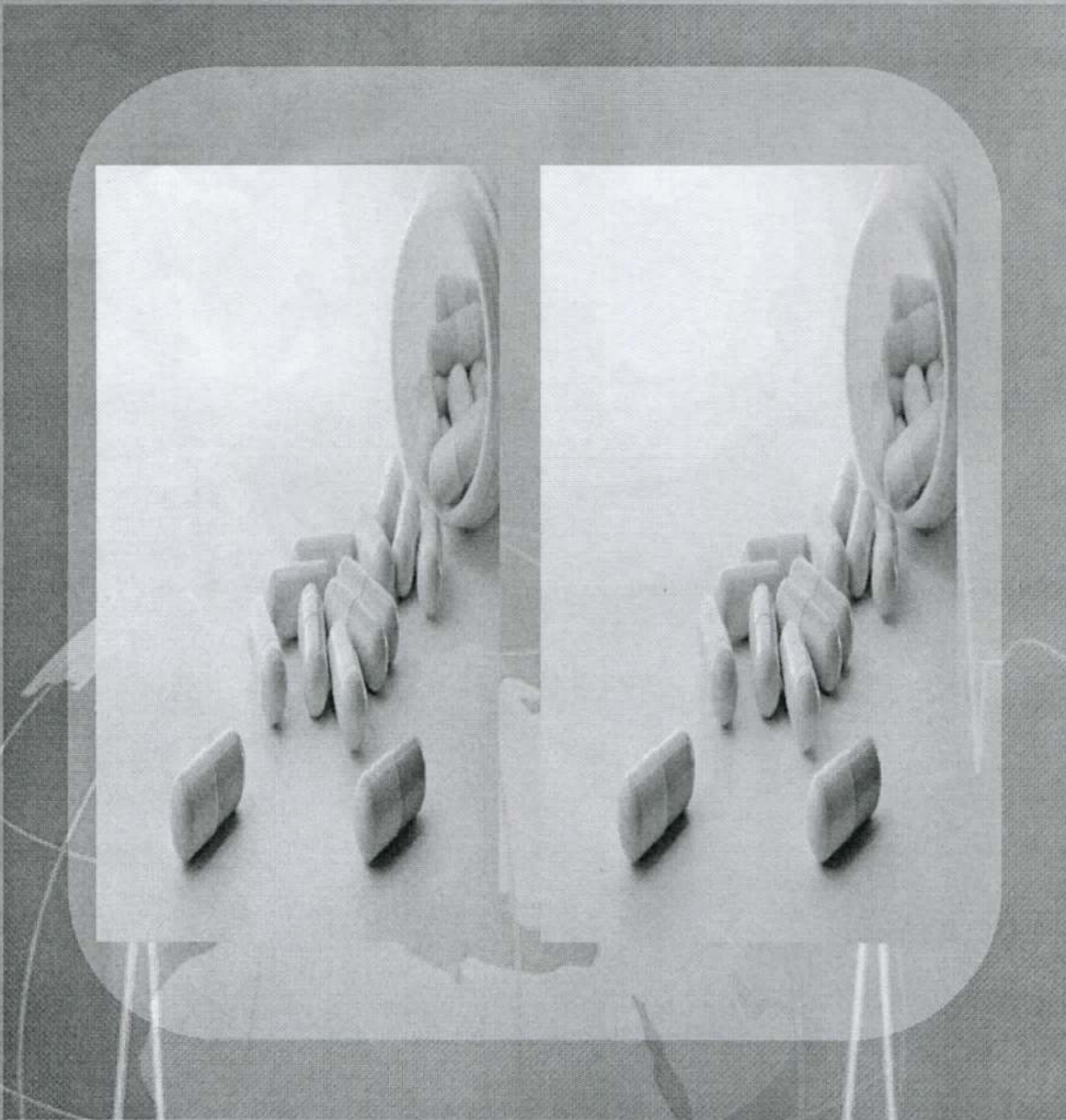
HĐQT sẽ tập trung đưa ra các biện pháp hữu hiệu để tháo gỡ các vướng mắc, khắc phục các mặt hạn chế, nhằm chuẩn bị thật tốt cho đại hội cổ đông, Công ty sẽ thành lập ban chỉ đạo để cùng nhau tổ chức đại hội cổ đông cho thật tốt, về phương hướng nhiệm vụ năm 2016, ban điều hành Công ty phải đề ra các giải pháp nhằm điều hành tốt trong thời gian tới. HĐQT cũng thống nhất với các chỉ tiêu của Tổng Giám Đốc về phương hướng kế hoạch trong năm 2016 và trong suốt nhiệm kỳ, ngoài ra HĐQT còn tổ chức cuộc họp trước đại hội cổ đông, để đưa ra báo cáo và phương hướng chính thức cho các thành viên HĐQT và BKS có cơ sở góp ý thêm. Chủ tịch HĐQT sẽ phối hợp cùng Tổng Giám Đốc làm báo cáo gửi đến các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát trước khi họp để các cán bộ liên quan tham gia góp ý.

HĐQT thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016.

Từ những kế hoạch, chiến lược ngắn hạn, Hội đồng quản trị sẽ đưa ra những kế hoạch dài hạn bám sát với mục tiêu chiến lược của Công ty. Hội đồng quản trị hướng tới việc quảng bá thương hiệu của NADYPHAR, đẩy mạnh nghiên cứu những sản phẩm mới, chất lượng tốt hơn và phải nhanh, kịp thời thay thế những sản phẩm cũ đáp ứng nhu cầu của khách hàng ở kênh ETC và OTC.







## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số: 16.176/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ Đông  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc hiệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL  
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0425-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ NAM ĐÔNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2657-2014-026-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.796.610.274</b>	<b>72.652.005.986</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.358.320.290	9.861.011.539
1. Tiền	111		6.358.320.290	6.861.011.539
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.218.998.910	24.255.849.033
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.793.743.060	24.000.931.668
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		382.513.204	523.799.472
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	23.879.601.950	695.997.737
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác đòi	137		(837.436.092)	(964.879.844)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		576.788	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	30.219.291.074	32.971.434.414
1. Hàng tồn kho	141		30.886.391.853	33.391.515.422
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(667.100.779)	(420.081.008)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	563.711.000
1. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	563.711.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.141.075.060</b>	<b>89.144.489.609</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		47.000.000	42.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		47.000.000	42.000.000
II. Tài sản cố định	220		35.657.974.692	37.302.281.857
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.948.704.403	32.633.276.016
Nguyên giá	222		98.316.105.867	96.321.360.526
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.367.401.464)	(63.688.084.510)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	4.709.270.289	4.669.005.841
Nguyên giá	228		5.691.216.091	5.436.726.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(981.945.802)	(767.720.250)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	35.216.050.697	36.512.051.389
Nguyên giá	231		51.926.706.938	51.746.077.150
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.710.656.241)	(15.234.025.761)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		322.800.000	185.817.968
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		322.800.000	185.817.968
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		90.000.000	14.850.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	14.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	90.000.000	90.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		808.149.671	252.338.395
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		808.149.671	252.338.395
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>170.938.585.334</b>	<b>161.796.495.595</b>

(Xem tiếp trang sau.)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.176.940.751</b>	<b>38.320.688.373</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.213.536.951</b>	<b>35.404.304.550</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	4.582.076.848	5.547.923.952
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.691.525.864	660.753.544
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	5.292.196.327	3.193.584.393
4. Phải trả người lao động	314	5.12	4.066.389.358	7.381.957.454
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	15.922.380.067	8.085.395.690
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.852.880.023	5.716.569.258
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	6.806.083.463	4.818.120.259
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>963.403.800</b>	<b>2.916.383.823</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	963.403.800	1.595.503.800
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	-	1.320.880.023
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>129.761.644.583</b>	<b>123.475.807.222</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>129.761.644.583</b>	<b>123.475.807.222</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.500.000.000	55.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.500.000.000	55.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.380.542.000	17.380.542.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.726.527.057	30.383.657.560
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.154.575.526	20.211.607.662
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		20.201.684.410	13.774.847.123
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.952.891.116	6.436.760.539
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>170.938.585.334</b>	<b>161.796.495.595</b>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ NAM HÀ

TRỊNH BÍCH DUNG

CÁP HỮU ÁNH

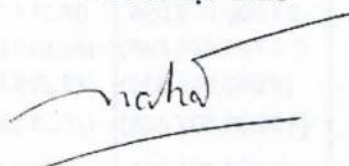
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chức năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	130.919.399.257	141.120.905.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.467.920.691	4.603.836.243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		127.451.478.566	136.517.018.929
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	74.942.887.192	78.708.934.210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.508.591.374	57.808.034.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	10.689.986.200	608.033.752
7. Chi phí tài chính	22	6.5	4.673.266.353	1.285.008.416
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		356.762.004	1.214.952.933
8. Chi phí bán hàng	24	6.6	17.737.977.944	14.682.276.940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	12.336.145.200	14.313.189.302
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.451.188.077	28.135.673.813
11. Thu nhập khác	31	6.8	693.357.318	102.759.359
12. Chi phí khác	32		103.544.302	67.333.549
13. Lợi nhuận khác	40		589.813.016	35.375.810
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.041.001.093	28.171.049.623
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	7.887.464.886	6.067.075.526
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(555.811.276)	201.676.712
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.714.347.403	21.902.347.305
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.934	3.157
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.934	3.157

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHAN THỊ NAM HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRỊNH BÍCH DUNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÁP HỮU ẢNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		125.079.403.680	139.423.860.597
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(45.485.659.936)	(45.586.505.529)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.698.784.463)	(28.910.189.903)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(309.292.401)	(1.214.962.933)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.067.335.726)	(6.437.382.070)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.386.847.911	7.969.939.085
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.661.008.045)	(35.735.182.025)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21.244.171.018</b>	<b>20.509.577.222</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.029.176.220)	(971.380.021)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		624.602.727	3.163.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(956.459.294)	(660.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		445.708.388	589.757.711
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(915.324.399)</b>	<b>961.541.326</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		24.800.879.590	67.311.751.990
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.725.448.848)	(85.533.838.898)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.966.968.610)	(9.289.569.330)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13.831.537.868)</b>	<b>(27.511.656.732)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.497.308.751</b>	<b>2.959.461.816</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>9.861.011.539</b>	<b>6.901.549.723</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>16.358.320.290</b>	<b>9.861.011.539</b>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ NAM HÀ

TRỊNH BÍCH DUNG

CÁP HỮU ẢNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 10 tháng 09 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 là 55.500.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia	Ngàn đồng			
		Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	Việt Nam	16.095	29%	16.095	29%
Các cổ đông khác	Việt Nam	39.405	71%	39.405	71%
<b>Cộng</b>		<b>55.500</b>	<b>100%</b>	<b>55.500</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 303 (31/12/2014: 330).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng;
- Cho thuê kho;
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.



## 14. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng ghi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng ghi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

### 4.2. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.18.



#### 4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

#### 4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 4.5. Nợ phải thu

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

##### *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.6. Hàng tồn kho

##### *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.



**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với định vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại định vụ có mức giá riêng biệt.

- Đối với Thành phẩm: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho đã hỏng; hạn sử dụng, hàng hư hỏng do trong quá trình lưu trữ. Đơn vị lập dự phòng 100% hoặc 50% giá trị của hàng tồn kho đối với hàng còn thời hạn sử dụng dưới 12 tháng tùy theo mức độ ước tính khả năng tiêu thụ trên thị trường.
- Đối với Nguyên vật liệu, bao bì: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho do không đạt chất lượng, hết hạn đăng ký, hàng đã hết hạn sử dụng.
- Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2015</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

#### 4.8. Tài sản cố định vô hình

##### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại 930C4 Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, không trích khấu hao.

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

#### 4.9. Bất động sản đầu tư

##### *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

##### *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
▪ Quyền sử dụng đất	48 năm
▪ Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hạch môn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại 05 Lĩnh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh được khấu hao tổng 48 năm.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

#### 4.10. Đầu tư tài chính

##### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng lãi sản phẩm liên hệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

### 4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### 4.12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị; tỷ lệ tạm chia cổ tức năm 2015 là 18% trên vốn điều lệ của Công ty.

#### *Quỹ dự trữ*

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Điều lệ Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- Quỹ khen thưởng được trích với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- Quỹ phúc lợi được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 4.13. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì

doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### 4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### 4.16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 4.17. Thuế

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

##### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dược phẩm 5%
- Thực phẩm chức năng 10%
- Các dịch vụ khác 10%

##### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều



cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.18. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	695.997.737	605.603.737
Tài sản ngắn hạn khác	-	90.314.000
Phải thu dài hạn khác	42.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	42.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	30.383.657.560	24.833.657.560
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.550.000.000

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phần	3.157	3.946
Lãi suy giảm trên cổ phần	3.157	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	23.296.200	88.747.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.335.024.090	6.772.264.039
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.358.320.290</b>	<b>9.661.011.539</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 4% đến 5,3%/năm.

## 5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Triệu đồng Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Ngắn hạn:			
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 5.3% đến 7%/năm	2.000	2.000	5.000	5.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Triệu đồng Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Công ty CP Dược phẩm 3/2	90	-	90	90	-
<b>Cộng</b>	<b>90</b>	<b>-</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>-</b>	<b>90</b>

## 5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
	Công ty CP Dược phẩm Quận 10	5.073.305.332
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	5.021.839.872	1.386.250.642
Công ty TNHH Dược phẩm Anh Đình	2.656.702.662	2.592.260.653
Các khách hàng khác	14.041.895.194	16.734.746.418
<b>Cộng</b>	<b>26.793.743.060</b>	<b>24.000.931.668</b>

## 5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Ngô Thị Cẩm Ly	23.400.000.000	-	-	-
Phải thu khác	479.601.950	-	695.997.737	-
<b>Cộng</b>	<b>23.879.601.950</b>	<b>-</b>	<b>695.997.737</b>	<b>-</b>



## 5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khách có khả năng thu hồi	1.091.395.862	735.543.211	1.450.065.842	1.094.213.191
<b>Cộng</b>	<b>1.091.395.862</b>	<b>735.543.211</b>	<b>1.450.065.842</b>	<b>1.094.213.191</b>

## 5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.637.746.181	343.863.466	15.304.641.644	83.916.387
Công cụ, dụng cụ	71.490.300	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.287.082.537	-	3.735.168.162	-
Thành phẩm	11.910.092.835	323.237.313	14.351.707.616	336.164.621
<b>Cộng</b>	<b>30.886.391.853</b>	<b>667.100.779</b>	<b>33.391.515.422</b>	<b>420.081.008</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 667.100.779 VND.

Hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất là do hết hạn sử dụng và lỗi thời không còn sử dụng được Công ty sẽ tiêu hủy theo quy định.

Việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm cho những hàng hóa, thành phẩm hết hạn sử dụng, sắp hết hạn sử dụng.



## 5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	37.737.734.547	40.000.702.045	4.993.317.970	4.751.573.156	96.221.060.520
Mua trong năm	-	1.489.200.000	1.442.726.545	87.026.364	3.018.952.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	5.188.180	-	-	5.188.180
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.029.395.740)	-	(1.029.395.740)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.737.734.547</b>	<b>50.333.121.025</b>	<b>5.446.648.775</b>	<b>4.838.601.520</b>	<b>98.316.105.867</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	11.779.061.091	39.880.995.182	1.387.326.687	1.670.801.253	63.688.081.510
Khấu hao trong năm	1.509.509.388	2.679.158.052	435.718.006	64.327.254	4.708.712.702
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.029.395.748)	-	(1.029.395.748)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.288.570.479</b>	<b>42.560.153.234</b>	<b>3.793.548.944</b>	<b>4.725.128.507</b>	<b>67.367.401.464</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Tại ngày đầu năm	22.958.673.456	8.957.737.363	606.091.294	110.773.903	32.633.276.016
Tại ngày cuối năm	21.449.184.088	7.772.967.491	1.613.099.831	113.473.013	30.948.704.403

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 38.834.652.816 VND.

## 5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu năm	4.589.050.091	347.876.000	5.436.726.091
Mua trong năm	-	254.490.000	254.490.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.589.050.091</b>	<b>1.102.166.000</b>	<b>5.691.216.091</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số dư đầu năm	-	787.720.250	787.720.250
Khấu hao trong năm	-	214.225.552	214.225.552
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>901.945.002</b>	<b>901.945.002</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày đầu năm	4.589.050.091	79.855.750	4.668.005.841
Tại ngày cuối năm	4.589.050.091	120.220.198	4.709.270.289

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 668.336.000 VND.



5.D. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê:</b>				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	20.592.972.900	-	-	20.592.972.900
Nhà và máy móc	31.153.104.242	180.629.788	-	31.333.734.030
Cộng	<u>51.746.077.150</u>	<u>180.629.788</u>	<u>-</u>	<u>51.926.706.938</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	1.779.809.731	288.301.816	-	2.018.111.547
Nhà và máy móc	13.534.216.030	1.188.328.864	-	14.692.544.894
Cộng	<u>15.234.025.761</u>	<u>1.476.630.400</u>	<u>-</u>	<u>16.710.656.241</u>
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	18.863.163.177	-	-	18.574.861.561
Nhà và máy móc	17.648.888.212	-	-	16.641.189.136
Cộng	<u>36.512.051.389</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>35.216.050.697</u>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn thuê là 3.989.123.487 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư:

Công ty chưa có thông tin thị trường để làm cơ sở cho việc đánh giá và xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2015, do đó giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính này.

## 5.10. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty TNHH SX TM Nam Long Phát	457.701.357	457.701.357	1.317.402.233	1.317.402.233	
Công ty TNHH SX TM Hà Vĩnh Phát	323.235.000	323.235.000	953.964.000	953.964.000	
Công ty CP Thủy Tinh Hưng Phú	223.398.648	223.398.648	668.034.021	668.034.021	
Công ty TNHH NEO Unicap	672.192.000	672.192.000	-	-	
Phải trả cho các đối tượng khác	2.905.549.843	2.905.549.843	2.608.523.696	2.608.523.696	
<b>Cộng</b>	<b>4.582.076.848</b>	<b>4.582.076.848</b>	<b>5.547.923.952</b>	<b>5.547.923.952</b>	

## 5.11. Thuế phải nộp Nhà nước

				Ngàn đồng
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	309.934	2.450.765	2.206.354	554.345
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.867.026	7.882.775	6.067.336	4.682.455
Thuế thu nhập cá nhân	16.624	861.381	822.619	55.396
<b>Cộng</b>	<b>3.193.584</b>	<b>11.194.921</b>	<b>9.096.309</b>	<b>5.292.196</b>

## 5.12. Phải trả người lao động

Là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương còn phải trả cho người lao động.



## 5.13. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Ngắn hạn:</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.882.124.743	6.859.093.353
Chi phí trích trước	3.489.916.495	1.146.992.705
Phạt vi phạm hành chính dự án 136 Lý Chính Thắng	4.232.423.976	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.930.336	2.540.009
Kinh phí công đoàn	64.655.916	70.536.066
Bảo hiểm xã hội	15.416.201	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.912.400	6.233.557
<b>Cộng</b>	<b>15.922.380.067</b>	<b>8.085.395.690</b>
<b>Dài hạn:</b>		
Nhận ký quỹ thuê mặt bằng và kho	627.403.800	1.340.503.800
Nhận ký quỹ gia công	336.000.000	255.000.000
<b>Cộng</b>	<b>963.403.800</b>	<b>1.595.503.800</b>

## 5.14. Vay ngắn hạn và dài hạn

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay đối tượng khác	532.000.000	532.000.000	24.860.879.590	28.725.448.848	4.396.569.258	4.396.569.258	
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.320.880.023	1.320.880.023			1.320.000.000	1.320.000.000	
Nợ dài hạn	-	-	-	1.320.880.023	1.320.880.023	1.320.880.023	
<b>Cộng</b>	<b>1.852.880.023</b>	<b>1.852.880.023</b>	<b>24.860.879.590</b>	<b>30.045.448.848</b>	<b>7.037.449.281</b>	<b>7.037.449.281</b>	

Vay đối tượng khác là khoản vay cán bộ công nhân viên theo hình thức vay tín chấp, lãi suất 6,2%/năm và điều chỉnh 6 tháng/lần.

Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản vay của Công ty CP XD-TM-DV G.D Sài Gòn.

(Xem trang tiếp theo)

## 5.15. Quy khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.818.120.259	4.207.055.261
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.342.869.496	3.285.352.108
Trích lập thù lao hội đồng quản trị	1.085.717.374	1.095.117.369
lãng khác	16.730.000	1.730.000
Sử dụng trong năm	(3.457.348.666)	(3.771.134.479)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.806.088.463</b>	<b>4.818.120.259</b>

## 5.16. Vốn chủ sở hữu

## 5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
Số dư đầu năm trước	55.500.000.000	17.580.542.000	29.286.540.191	13.780.844.998	115.949.927.189
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.902.347.385	21.902.347.385
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.095.117.369	(1.095.117.369)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.285.352.106)	(3.285.352.106)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(1.095.117.369)	(1.095.117.369)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(5.997.875)	(5.997.875)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>55.500.000.000</b>	<b>17.580.542.000</b>	<b>30.385.657.660</b>	<b>20.211.807.662</b>	<b>123.475.807.222</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	21.714.347.483	21.714.347.483
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.342.869.497	(4.342.869.497)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.342.869.496)	(4.342.869.496)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(1.085.717.374)	(1.085.717.374)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(9.923.252)	(9.923.252)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>55.500.000.000</b>	<b>17.580.542.000</b>	<b>34.726.527.057</b>	<b>22.154.575.526</b>	<b>129.761.644.583</b>



## 5.15.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhà nước	16.095.000.000	16.095.000.000
Các cổ đông khác	39.405.000.000	39.405.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.500.000.000</b>	<b>55.500.000.000</b>

## 5.15.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.550.000	5.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	-	-
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	5.550.000	5.550.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	-	-
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	5.550.000	5.550.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

## 5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	21.714.347.483	21.902.347.385
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.342.869.496)	(3.285.352.108)
Trích thủ lao Hội đồng quản trị	(1.085.717.374)	(1.095.117.369)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.550.000	5.550.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>2.934</b>	<b>3.157</b>

## 5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ:			
Nhà 28 Võ Trường Toản	Cái	1	1
Máy móc	Cái	3	3

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Danh thu bán hàng hóa sản xuất	124.767.453.667	135.300.152.845
Danh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	89.079.120
Danh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	6.151.945.590	5.731.673.207
<b>Cộng</b>	<b>130.919.399.257</b>	<b>141.120.905.172</b>

### 6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	1.989.313.302	4.378.614.508
Hàng bán bị trả lại	1.478.607.389	225.271.735
<b>Cộng</b>	<b>3.467.920.691</b>	<b>4.603.886.243</b>

### 6.3. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm	70.603.369.256	76.150.205.498
Giá vốn dịch vụ gia công	-	46.848.225
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	4.095.038.174	2.715.013.189
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	(2.540.009)	(23.380.489)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	247.019.771	(179.752.213)
<b>Cộng</b>	<b>74.942.887.192</b>	<b>78.708.934.210</b>

### 6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	434.908.388	566.357.711
Lãi bán các khoản đầu tư	10.244.277.812	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800.000	23.400.000
Chiết khấu thanh toán	-	13.470.581
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.035.400
<b>Cộng</b>	<b>13.689.986.200</b>	<b>608.063.752</b>

Lãi bán các khoản đầu tư là lãi Công ty thu được từ chuyển nhượng toàn bộ 40% vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Nam Thiên Phát theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh khu phức hợp tại 136 Lý Chính Thắng cho Bà Ngô Thị Cẩm Ly theo hợp đồng chuyển nhượng số 07/2015/HĐCNCP ngày 24/10/2015 với giá trị chuyển nhượng là 26.000.000.000 VND.

**6.5. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	356.762.004	1.214.962.933
Chiết khấu thanh toán	47.716.737	70.045.483
Chi phí phát sinh liên quan đến dự án 136 Lý Chính Thắng	4.268.787.612	-
<b>Cộng</b>	<b>4.673.266.353</b>	<b>1.285.008.416</b>

Chi phí phát sinh liên quan đến dự án là khoản tiền phạt chậm tiến độ dự án xây dựng cao ốc tại 136 Lý Chính Thắng.

**6.6. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.961.177.959	7.284.594.904
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	250.735.071	290.246.056
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.993.742	339.376.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.648.995	377.526.614
Chi phí bằng tiền khác, trong đó chi phí chiếm trên 10%:	10.680.472.177	6.390.532.640
<i>Chi phí tiêu thụ, tác quản hàng hóa</i>	<i>1.659.229.864</i>	<i>2.060.275.569</i>
<i>Chi phí khuyến mãi</i>	<i>7.506.351.915</i>	<i>1.791.618.992</i>
<b>Cộng</b>	<b>17.737.977.944</b>	<b>14.682.276.940</b>

**6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.386.993.734	8.756.466.993
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	291.043.385	389.867.008
Chi phí khấu hao TSCĐ	985.793.173	1.071.457.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.174.661	1.231.223.232
Chi phí bằng tiền khác	2.137.583.999	2.557.299.218
Lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(127.443.752)	306.875.276
<b>Cộng</b>	<b>12.336.145.200</b>	<b>14.313.189.302</b>

**6.8. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	624.602.727	3.163.636
Thu nhập khác	68.754.591	99.595.723
<b>Cộng</b>	<b>693.357.318</b>	<b>102.759.359</b>



**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	29.041.001.093	28.171.049.623
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	7.946.177.459	1.245.799.557
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.146.992.705)	(1.816.060.427)
Trừ thu nhập không chịu thuế	(10.800.000)	(23.400.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	35.829.385.847	27.577.388.753
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>7.882.464.886</b>	<b>6.067.025.526</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Chi phí trích trước	Dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(429.370.744)	(24.144.363)	(454.015.107)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	177.532.349	24.144.363	201.676.712
Số dư đầu năm nay	(252.338.395)	-	(252.338.395)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(555.311.276)	-	(555.811.276)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>(808.149.671)</b>	<b>-</b>	<b>(808.149.671)</b>

**6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.639.577.371	47.185.138.133
Chi phí nhân công	29.300.076.786	32.476.400.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.497.395.019	6.517.160.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.984.768.746	5.882.962.483
Chi phí khác bằng tiền	15.565.897.989	11.414.796.751
<b>Cộng</b>	<b>102.987.715.911</b>	<b>103.476.458.294</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh gồm bộ phận Dược phẩm và bộ phận Bất động sản đầu tư như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<u>Dược phẩm</u>		<u>Bất động sản đầu tư</u>		<u>Tổng cộng</u>		VND
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	124.767.453.867	135.300.152.845	6.151.945.590	5.731.673.207	130.919.399.257	141.120.923.172	
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	50.431.683.958	54.791.424.701	2.056.907.416	3.016.660.018	52.508.591.374	57.808.084.719	
Chi phí không phân bổ					33.074.123.144	28.995.466.242	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính					22.434.468.230	28.812.618.477	
Thu nhập tài chính					10.689.986.200	608.063.752	
Chi phí tài chính					4.673.266.353	1.285.008.416	
Thu nhập khác					693.357.318	102.759.359	
Chi phí khác					103.544.302	67.383.549	
Lợi nhuận trước thuế					29.041.001.093	28.171.049.623	
Thuế (thu nhập doanh nghiệp)					7.882.464.886	6.067.025.526	
Chi phí (thuế TNĐN hoãn lại)					(555.811.276)	201.676.712	
Lợi nhuận sau thuế					<u>21.714.347.483</u>	<u>21.902.347.385</u>	

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	1.021.000.000	1.031.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.719.941.527	2.163.280.080
<b>Cộng</b>	<b>2.740.941.527</b>	<b>3.194.280.080</b>

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

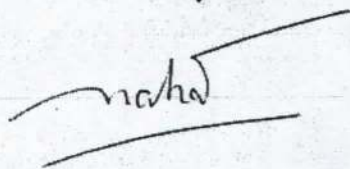
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2016.

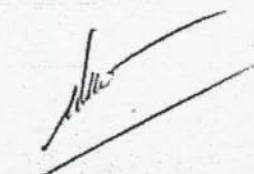
Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHAN THỊ NAM HÀ

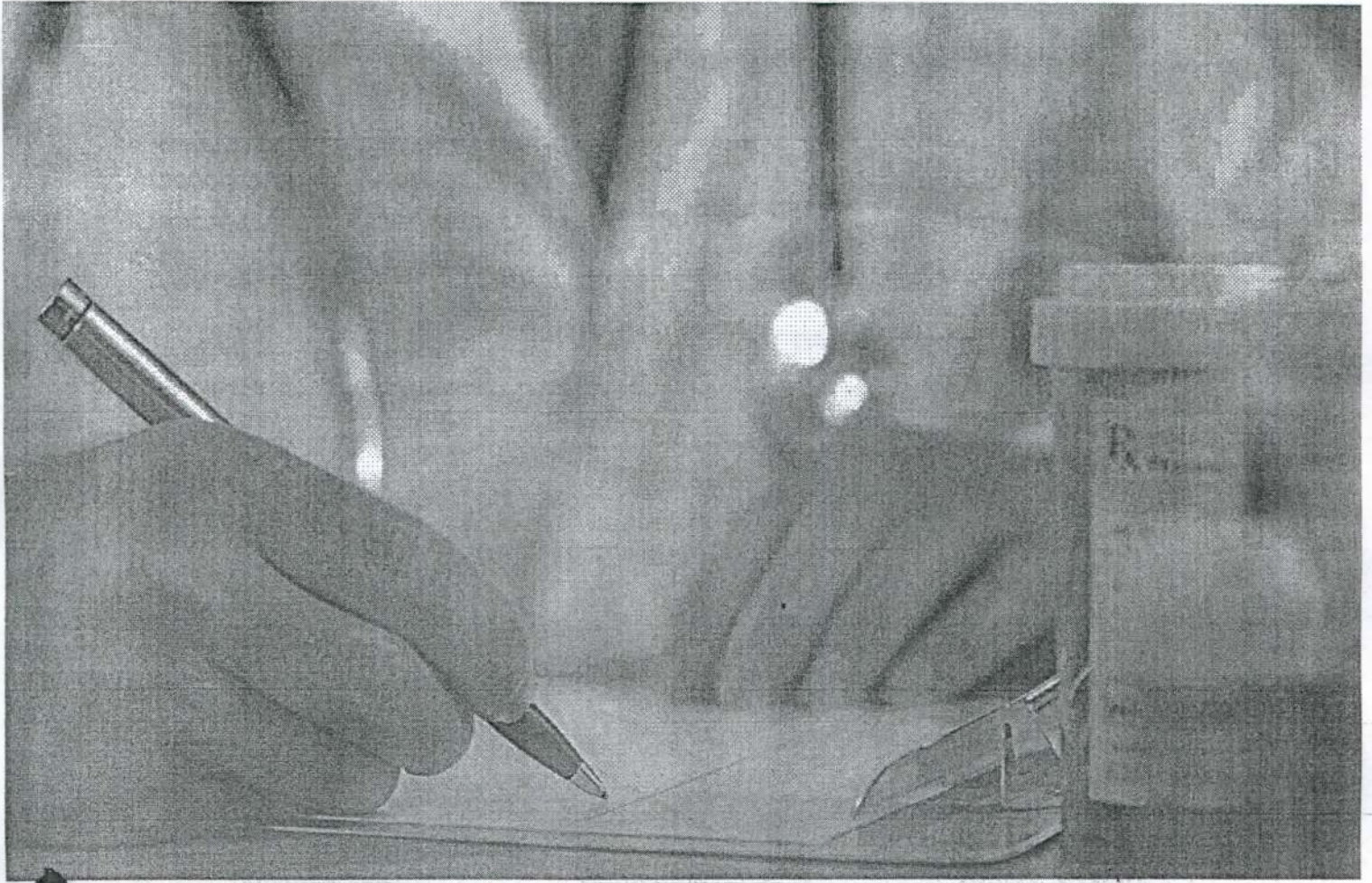
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRỊNH BÍCH DUNG



CÁP HỮU ẢNH



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DS. *Chu Mai Hào*